



**ỦY BAN DÂN TỘC**



**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI**

# **HỘI THẢO**

**CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
GIAI ĐOẠN 2021 -2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025**

*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỘI THẢO CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
**MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG**  
**ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 -2030,**  
**GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025**

*(Thời gian: 01 buổi, khai mạc lúc 14 giờ 00 phút, ngày 19/4/2023)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
1	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi
2	Phát biểu khai mạc Hội thảo	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
3	Phát biểu chào mừng của tỉnh Quảng Ngãi	Lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi
4	Báo cáo đề dẫn Hội thảo	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi
5	Báo cáo tham luận, thảo luận của Ban Dân tộc các tỉnh dự Hội thảo	Đại diện lãnh đạo Ban Dân tộc các tỉnh
6	Nghỉ giải lao	
7	Phát biểu của đại diện các Bộ ngành Trung ương	Đại diện các Bộ ngành Trung ương
8	Giải đáp những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc	Đại diện các Vụ, đơn vị của Ủy ban Dân tộc
9	Phát biểu trao đổi của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
10	Kết thúc Hội thảo	

## MỤC LỤC TÀI LIỆU

<b>TT</b>	<b>Chủ đề báo cáo tham luận</b>	<b>Đơn vị báo cáo</b>	<b>Trang</b>
1	Báo cáo khái quát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc thực hiện Chương trình và đề xuất giải pháp tháo gỡ	Tỉnh Quảng Ngãi	5
2	Kinh nghiệm trong phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai	23
3	Kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận	29
4	Kinh nghiệm phát huy vai trò của người có uy tín trong phát triển cộng đồng, giữ gìn an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới quốc gia tỉnh Quảng Trị	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị	33
5	Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS tỉnh Đắk Nông	Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông	37
6	Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS kết quả và bài học kinh nghiệm	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình	40
7	Một số kinh nghiệm trong việc thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù; những thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện	Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai	46
8	Kinh nghiệm trong việc thực hiện Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù; thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện Chương trình.	Ban Dân tộc tỉnh Bình Định	51
9	Giải pháp trong thực hiện chính sách và tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Nội Vụ tỉnh Tây Ninh	60
10	Một số kinh nghiệm triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025	Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng	63
11	Giải pháp trong công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các	Ban Dân tộc tỉnh Kon tum	69

	cấp thực hiện thực sự hiệu quả		
12	Một số vấn đề cần quan tâm để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025”	Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa	75
13	Kinh nghiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện Dự án 01: hỗ trợ giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện trên địa bàn tỉnh thừa thiên huế	Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế	85
14	Về kinh nghiệm tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, đầu tư, hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Nam	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam	89
15	Một số kinh nghiệm trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương trong thực hiện chính sách dân tộc và kinh nghiệm bước đầu trong tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3)	Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận	93
16	Những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”	Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk	97
17	Kinh nghiệm trong thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên	102

*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

## **BÁO CÁO**

### **Khái quát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc thực hiện Chương trình và đề xuất giải pháp tháo gỡ**

Thực hiện Chương trình Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 giữa các tỉnh trong khu vực Miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và một số tỉnh phía Bắc; tỉnh Quảng Ngãi báo cáo khái quát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình trong giai đoạn hiện nay như sau:

#### **I. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

##### **1. Về tổ chức bộ máy, thành lập ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

##### **2. Về việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình**

Để triển khai thực hiện Chương trình, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 09 Nghị quyết; 14 Quyết định; 12 Kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Chương trình cho các Sở, ban ngành và UBND các huyện.

##### **3. Về thông tin truyền thông, vận động**

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; công tác tuyên truyền được tổ chức thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức trực quan như pa nô, phóng sự trên đài truyền hình, trang tin trên Báo Quảng Ngãi, tuyên truyền trên các Hội nghị..., đại đa số người dân được tiếp cận, hiểu biết thông tin và đồng thuận cao trong việc tham gia thực hiện Chương trình, góp phần vào thành công chung của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình**

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh.; Ban dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch của UBND tỉnh trong năm 2022.

#### **5. Về tình hình phân bổ, giao vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và các năm 2022, 2023**

a) Về tình hình giao vốn giai đoạn 2021 – 2025:

- Vốn đầu tư phát triển: Tổng kế hoạch vốn giao là 1.216.317 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 1.105.696 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 110.621 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: Hiện nay, Trung ương chưa thông báo nguồn vốn này giai đoạn 2021 – 2025 cho tỉnh.

b) Về tình hình giao vốn năm 2022 và năm 2023:

Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước đã được giao trong 02 năm (2022 và 2023) thực hiện Chương trình là 1.070.032 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư phát triển đã giao là 542.086 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 500.832 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 41.254 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp đã giao là 527.946 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 473.950 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 53.996 triệu đồng.

\* Vốn vay tín dụng chính sách là: 24.100 triệu đồng.

#### **6. Kết quả giải ngân vốn của Chương trình**

Tổng số vốn ngân sách đã giải ngân (năm 2022, 2023) là 188.150 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 150.073 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 137.935 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 12.138 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 38.112 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 37.336 triệu đồng, ngân sách tỉnh 776 triệu đồng.

\* Vốn vay tín dụng chính sách là: 10.405 triệu đồng.

## **7. Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình**

*(chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

## **8. Đánh giá chung**

### *a) Kết quả đạt được*

- Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả tích cực; UBND tỉnh đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành có liên quan tham mưu triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương theo từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.

- Đến nay, hầu hết các quy định, các văn bản pháp lý để triển khai thực hiện Chương trình thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh đã được ban hành; các Sở, ban ngành và UBND các huyện đã triển khai thực hiện đạt được một số kết quả nhất định; trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37%, từ 35,64% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%.

### *b) Tồn tại, hạn chế*

- Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

- Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành. Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương thông báo cho tỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

- Một số Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo quy định tại Quyết định số

866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh mà chỉ thực hiện đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình còn gặp nhiều lúng túng trong việc nghiên cứu, áp dụng triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh; chưa có giải pháp để đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình. Trong năm 2022, hầu hết các huyện chưa bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình.

- Việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc.

### **9. Nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp trong thời gian đến**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vấn đề cần thiết, bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Tiếp tục kiến nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 phù hợp với thực tiễn.

- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ cập nhật các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023



của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này và Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

## **II. TỔNG HỢP NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÁO GỖ**

Qua tổng hợp báo cáo tham luận tại Hội nghị của Ban Dân tộc các tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp những khó khăn, vướng mắc thực chương trình và đề xuất giải pháp tháo gỡ tại Phụ lục số 02 kèm theo./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**  
**QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO**  
**DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI**

TT	Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình	Kết quả thực hiện	Ghi chú
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Thực hiện đầu tư 43 công trình nước sinh hoạt tập trung	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Thực hiện đầu tư 10 dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư	
III	Dự án 3:		
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tổng diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long là 63.567,3 ha (gồm: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 47.694,24 ha và Hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã là 15.873,01 ha)	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		
	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Đã xây dựng danh mục trung hạn các dự án định hướng sản xuất theo chuỗi giá trị, hoàn thiện các thủ tục để thẩm định dự án.	
	Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.	Đang hoàn thiện các thủ tục để thông báo tuyển chủ trì liên kết	
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	Tổ chức 01 Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức 03 hoạt động để các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS và MN tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa tại các tỉnh Đắk Nông, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh	
IV	Dự án 4:		
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,	Thực hiện đầu tư 135 công trình; hầu hết đã thi công hoàn thành và bàn giao	

	đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	đưa vào sử dụng	
V	Dự án 5		
1	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thuộc 18 trường học; mua sắm 11 máy tính để bàn và 11 màn hình hiển thị cấp cho 09 trường THPT và tổ chức tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực		
	Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Tổ chức 13 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 4 cho 339 học viên và 03 lớp cho đối tượng 3 cho 145 học viên.	
	Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	Chưa thực hiện	
	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm	Tổ chức 20 phiên giao dịch việc làm; tư vấn, giới thiệu việc làm cho 13.942 lượt người, kết nối việc làm cho khoảng 4.269 lượt người; đã có 66 lao động tại huyện nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã xuất cảnh sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, chờ xuất cảnh là 56 lao động	
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Tổ chức 01 đoàn đi học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tại các tỉnh phía Bắc	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	Điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện Dự án Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Kor tại huyện Trà Bồng; địa điểm thực hiện Dự án Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt về Địa điểm Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; UBND các huyện đã thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo 18 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng	

VII	Dự án 7:	Tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý dân số vùng ĐBDTTS&MN cho đối tượng là Lãnh đạo Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, phòng Dân số và viên chức làm công tác dân số tại Trạm Y tế 61 xã vùng ĐBDTTS&MN; 02 lớp nâng cao chất lượng dân số vùng ĐBDTTS&MN cho đối tượng là Cộng tác viên dân số thuộc huyện Sơn Hà và huyện Trà Bồng; Tập huấn chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến cộng tác viên/Y tế thôn bản, tổng cộng 13 lớp, số người tham dự: 279 người	
VIII	Dự án 8:	Thành lập 30 Tổ truyền thông cộng đồng tại 30 thôn/6 huyện; thành lập mới và củng cố, nâng cao chất lượng 06 Địa chỉ tin cậy cộng đồng; tổ chức 02 hội nghị hướng dẫn thành lập và vận hành quản lý Tổ truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook...; 02 Hội nghị tuyên truyền xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới tại cơ sở; 02 hội nghị hướng dẫn đổi thoại chính sách và giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; 02 hội nghị cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực lồng ghép giới; 12 hội nghị cho cán bộ thôn, người có uy tín trong thôn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cộng đồng. Tổ truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng và truyền thông hướng dẫn xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook...	
IX	Dự án 9:		
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	Chưa thực hiện	
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	Tổ chức 05 Hội nghị hội nghị phổ biến, tuyên truyền giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên; những tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại Trường THCS DTNT đóng trên địa bàn các huyện miền núi; tổ chức Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	
X	Dự án 10:		

1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Thăm, viếng người uy tín, thân nhân người có uy tín qua đời, đau ốm ; cấp phát 27 đài radio cho người có uy tín được thay thế trong năm 2022; phối hợp UBND các huyện trao tặng 55 điện thoại thông minh Vsmart do Quỹ Thiện tâm của Tập đoàn Vingoup tài trợ (do Ủy ban Dân tộc ủy quyền) cho 55 người có uy tín. Tổ chức đón tiếp, gặp mặt các Đoàn người có uy tín trong và ngoài tỉnh. Tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào cuối tháng 10 năm 2022	
2	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN		
3	Tiêu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh đã tổ chức kiểm tra tại huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng và một số xã của huyện; ngoài ra, các Sở, ngành và UBND các huyện cũng đã tổ chức kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tổ chức 03 lớp tập huấn về công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá theo Thông tư 01/2022/TT-UBND cho 88 học viên.	

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**TỔNG HỢP NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÁO GỖ**

<b>Nội dung khó khăn, vướng mắc</b>	<b>Kiến nghị, đề xuất giải pháp</b>	<b>Đơn vị</b>
<b>1. DỰ ÁN 1:</b>		
1.1. Chưa quy định cơ chế đặc thù trong thực hiện vốn đầu tư phát triển hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng (đất ở, nhà ở, đất sản xuất)	Đề nghị bổ sung quy định cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư vào Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP	Các tỉnh
1.2. Kinh phí đầu tư của Trung ương cấp cho Bình Định rất thấp chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương		Tỉnh Bình Định
1.3. Tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg quy định “Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 3.000 triệu đồng/công trình để đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung”: Theo quy định trên, việc xác định bình quân trên tổng số công trình nước sinh hoạt là 3.000 triệu đồng/công trình; hay xác định bình quân cho một công trình là 3.000 triệu đồng/công trình; không quy định cụ thể mức đối ứng của ngân sách địa phương. Trường hợp công trình có tổng mức đầu lớn trên 3.000 triệu đồng/công trình, ngoài ngân sách trung ương hỗ trợ là 3.000 triệu đồng/công trình, ngân sách địa phương đối ứng phần vốn còn lại để thực hiện có được không. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể để địa phương thực hiện đúng quy định.	-	Tỉnh Khánh Hòa
<b>2. DỰ ÁN 2:</b>		
<b>3. DỰ ÁN 3:</b>		
3.1. Đề nghị cho phép chuyển nguồn vốn sự nghiệp trung ương tại Tiểu dự án 1- Dự án 3, sang thực hiện nội dung Tiểu dự án 2 – Dự án 3.		Tỉnh Quảng Nam
3.2. Tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế chưa hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư	Đề nghị bổ sung quy định cơ chế đặc thù quản lý thực hiện nguồn vốn đầu tư của dự án được liệt kê theo Quyết	Tỉnh Quảng Ngãi

phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	định 1719/QĐ-TTg vào Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP hoặc quy định cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với dự án này	
3.3. Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định: “Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án”. Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa có cơ sở chế biến dược liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến dược liệu quý.	Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung “ <i>Hỗ trợ kinh phí đầu tư, cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án</i> ” vào Quyết định 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 10/2022/TT-BYT.	Tỉnh Quảng Ngãi
3.4. Tại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg chỉ quy định hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật; không quy định hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị.	Đề nghị bổ sung quy định nội dung hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất đối với các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc cho áp dụng Thông tư 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới (cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ cho HTX (trong chuỗi) theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	Tỉnh Quảng Ngãi
3.5. Tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính quy định: “Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ	Đề nghị bổ sung quy định rõ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này trong Thông tư 15/2022/TT-BTC	Tỉnh Quảng Ngãi

<p>hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”; tuy nhiên, đối chiếu tại Điều 4 của Thông tư này không quy định rõ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này</p>		
<p>3.6. Tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện (nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án)</p>	<p>Đề nghị bổ sung nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý trong Thông tư 15/2022/TT-BTC</p>	<p>Tỉnh Quảng Ngãi</p>
<p>3.7. Đề nghị bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ;</p>		<p>Tỉnh Bình Định</p>
<p>3.8. Đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn đối tượng thực hiện Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Vì tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định đối tượng là “<i>Hộ nghèo, hộ cận nghèo Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn. Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.</i>” còn tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP của chính phủ và và Thông tư 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc quy định: “<i>Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham</i></p>		<p>Tỉnh Khánh Hòa</p>



<i>gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo”</i>		
<b>4. DỰ ÁN 4:</b>		
4.1. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định nhiều trạm y tế đã xuống cấp trầm trọng và các tuyến đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã đã bị hư hỏng nặng (bề mặt bê tông không còn nữa), bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 03 làng (làng O2, xã Vĩnh Kim của huyện Vĩnh Thạnh; Canh Tiến, xã Canh Liên và Canh Giao, xã Canh Hiệp của huyện Vân Canh) vẫn chưa có điện lưới quốc gia. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc kiến nghị bổ sung kinh phí cho các dự án này		Tỉnh Bình Định
<b>5. DỰ ÁN 5:</b>		
5.1. Đối tượng thực hiện Nội dung Đào tạo đại học và sau đại học bị thu hẹp do quy định tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chỉ quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; hiện nay, đối tượng sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn.	Đề nghị điều chỉnh đối tượng thụ hưởng trong Thông tư 02/2022/TT-UBDT như Quyết định số 1719/QĐ-TTg	Tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam
5.2. Theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 về Phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018- 2025”: quy định các nhóm đối tượng 2, 3, 4 ở địa phương phải được Bồi dưỡng kiến thức dân tộc là ở địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số. Đề nghị hướng dẫn địa phương đồng bào DTTS		Tỉnh Khánh Hòa
5.3. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc hoặc có văn bản giao cho địa phương chủ động biên soạn triển khai thực hiện		Tỉnh Quảng Nam
5.4. Đối tượng cán bộ không chuyên trách ở xã; giáo viên giảng dạy ở trường phổ thông các cấp vùng đồng bào DTTS&MN và đại diện các tổ chức		Tỉnh Quảng Nam

quần chúng ( <i>Mặt trận thôn, Chi hội phụ nữ, Chi hội nông dân, Chi đoàn thanh niên...</i> ) có thuộc nhóm đối tượng được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo nội dung Tiểu dự án 2, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia không		
5.5. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND; Bồi dưỡng tiếng dân tộc được thực hiện theo Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; tại tỉnh Khánh Hòa, dân tộc Raglai chiếm trên 75% các DTTS trên địa bàn tỉnh, chưa có bộ chữ viết. Đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với DTTS chưa có bộ chữ viết được công nhận theo quy định.		Tỉnh Khánh Hòa
5.6. Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND; đề nghị Ủy ban Dân tộc giao địa phương chủ động việc lựa chọn ngôn ngữ, xây dựng khung chương trình, biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu, bài giảng và triển khai thực hiện		Tỉnh Quảng Nam
5.7. Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp.	Ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp.	Tỉnh Quảng Ngãi
<b>6. DỰ ÁN 6:</b>		
6.1. Tại Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện dự án “bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 chưa hướng dẫn cụ thể tiêu chí nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số (tại khoản 4, mục II) và nội dung tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống	Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn	Tỉnh Quảng Ngãi

của đồng bào dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện, xã (khoản 12, mục II)		
6.2. Theo Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Tại khoản 15 mục II “Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số” thì phải áp dụng quy trình thực hiện 14 bước, trong đó có 02 bước (bước 6 và bước 8) phải trình Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định, nên sẽ gây khó khăn và mất rất nhiều cho địa phương thực hiện đối với nội dung này	Đề nghị rút ngắn quy trình thực hiện; đồng thời giao cho UBND cấp tỉnh thẩm định nội dung này, để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện	Tỉnh Bình Định
6.3. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện trong năm (Công văn số 2651/BVHTTDL-KHTC ngày 19/7/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch). Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể được giao, các địa phương không thể chủ động lựa chọn danh mục đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tiễn, nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.	Không giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện hằng năm, để địa phương được chủ động lựa chọn nội dung đầu tư đảm bảo với nội dung của Dự án và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương	Tỉnh Bình Định
<b>7. DỰ ÁN 7:</b>		
<b>8. DỰ ÁN 8:</b>		
<b>9. DỰ ÁN 9:</b>		
9.1. Chưa hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn	Ban hành văn bản quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn	Tỉnh Quảng Ngãi
9.2. Đề nghị trung ương xem xét điều chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp cấp năm 2022 và năm 2023 sang thực hiện nội dung khác phù hợp với điều kiện của địa phương, vì Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 9 trên địa bàn tỉnh không thực hiện được		Tỉnh Bình Định
9.3. Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ, ngành trung ương trình Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng ưu đãi hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với hộ dân tộc còn nhiều khó khăn để có cơ sở triển khai thực hiện và hướng dẫn xử lý nguồn vốn trung ương đã giao kế hoạch năm 2022 cho các địa		Tỉnh Khánh Hòa

phương.		
<p>9.4. Phạm vi thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 9: "Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình". Quy định như trên là chưa rõ và chưa phù hợp đối với các hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn. Vì theo Tiểu dự án 1 - Dự án 9, hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn chỉ được thụ hưởng 01 nội dung là hỗ trợ có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng để phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Các nội dung hỗ trợ khác tại Tiểu dự án 1 - Dự án 9 là hỗ trợ cho các DTTS có khó khăn đặc thù.</p>	Kiến nghị đối tượng hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn ngoài việc được hỗ trợ có thu hồi vốn tại Tiểu dự án 1 - Dự án 9 thì còn được thụ hưởng tất các Dự án khác.	Tỉnh Khánh Hòa
<b>1.0 DỰ ÁN 10:</b>		
<p>10.1. Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định nội dung trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho đối tượng "là lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi". Tuy nhiên, tại Điểm g Khoản 2 Điều 65 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định: "Trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho người có uy tín trên địa bàn tỉnh...", không quy định việc hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho đối tượng là lực lượng cốt cán.</p>	-	Tỉnh Khánh Hòa
<p>10.2. Chưa hướng dẫn đối tượng "lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" gồm những đối tượng nào và cấp nào (tỉnh, huyện, xã) có thẩm quyền phê duyệt danh sách lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và lực lượng cốt cán có được trang bị phương tiện nghe nhìn không.</p>	Đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể	Tỉnh Khánh Hòa
<p>10.3. Tại Điểm a Khoản 5 Điều 50 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: "Mỗi</p>	Đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể để địa	tỉnh Khánh Hòa

<p>đối tượng thụ hưởng được cấp 01 phương tiện nghe nhìn. Loại phương tiện, hình thức hỗ trợ, điều kiện nhận hỗ trợ (nếu có) do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị”, trong đó không quy định cụ thể định mức kinh phí đối với phương tiện nghe nhìn.</p>	<p>phương có cơ sở thực hiện nội dung này.</p>	
<p>10.4. Đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động hàng tháng cho Người có uy tín để phục vụ cho việc đi lại tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước</p>		<p>Tỉnh Ninh Thuận</p>
<p>10.5. Chưa hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự”</p>	<p>Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn</p>	<p>Tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam</p>
<p>10.6. Chưa có hướng dẫn cụ thể quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển đối với Tiểu Dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&amp;MN</p>		<p>Tỉnh Bình Định</p>
<p>10.7. Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg chưa quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ; tại Công văn số 2807, ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính trả lời vướng mắc và Bộ Tài chính trả lời đề nghị chi từ nguồn kinh phí tự chủ của các cơ quan thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, hiện nay biên chế của Ban Dân tộc rất ít (<i>khoảng trên dưới 20 người</i>) nên rất khó khăn trong thực hiện</p>	<p>Bổ sung quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình vào Tiểu dự án 3, Dự án 10 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn và quy định kinh phí chi cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ chương trình do ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hàng năm cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.</p>	<p>Tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam</p>
<p><b>11. CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC</b></p>		
<p>11.1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ Chương trình 1719 và cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG tại địa phương</p>		<p>Tỉnh Đắk Lắk</p>

<p>11.2. Quy định cụ thể về Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công; Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Chương II Luật Đầu tư công; Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, đây có phải là quy định để giao vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ Chương trình 1719</p>		<p>Tỉnh Đắk Lắk</p>
<p>11.3. Quy định cụ thể về Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở. Khái niệm “địa phương” được quy định là cấp tỉnh hay cấp huyện, “cơ sở” được quy định là cấp huyện hay cấp xã</p>		<p>Tỉnh Đắk Lắk</p>
<p>11.4. Quy định cụ thể về khái niệm “đầu tư dàn trải, manh mún”, có phải là gộp tất cả các danh mục đầu tư có cùng nội dung đầu tư (đường giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng...) trên địa bàn một xã, hay phải gộp trên địa bàn một huyện để đảm bảo tổng mức đầu tư của công trình không dàn trải, manh mún.</p>		<p>Tỉnh Đắk Lắk</p>
<p>11.5. Quy định cụ thể về việc lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và lập kế hoạch kinh phí sự nghiệp, trong đó: cần Quy định cụ thể về mối quan hệ giữa việc giao kế hoạch vốn và việc giao chủ đầu tư.</p>		<p>Tỉnh Đắk Lắk</p>

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Kinh nghiệm trong phát huy vai trò người có uy tín**  
**trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai*

Được sự cho phép của Ban Tổ chức, tỉnh Đồng Nai tham gia nội dung “Kinh nghiệm trong phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

Lời đầu tiên cho phép tôi được gửi tới toàn thể quý vị đại biểu, quý vị khách quý lời chúc sức khỏe, bình an, hạnh phúc! Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Kính thưa! Toàn thể quý vị đại biểu!

Đồng Nai là tỉnh thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ với tổng diện tích tự nhiên là 5.863 km<sup>2</sup>, có 11 đơn vị hành chính (gồm 02 thành phố, 09 huyện), có 170 xã, phường, thị trấn, trong đó có 4 huyện miền núi, 24 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, không còn áp đặc biệt khó khăn. Dân số toàn tỉnh hiện có trên 3 triệu người với trên 50 thành phần dân tộc sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 198.784 người, chiếm khoảng 6,42% dân số toàn tỉnh. Đồng bào dân tộc thiểu số (viết tắt là DTTS) sống rải rác, xen kẽ trên địa bàn các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và chủ yếu sống tập trung ở vùng vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Một số thành phần DTTS sống tập trung thành làng, như dân tộc: Chơro, Mạ, S'Tiêng, Chăm, Tày, Nùng... Đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh sống hòa đồng, đoàn kết, gắn bó, yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

Về đội ngũ người có uy tín tỉnh Đồng Nai: Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đội ngũ người có uy tín tỉnh Đồng Nai cơ bản ổn định với 206 vị.

Để phát huy vai trò người có uy tín, Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín và trách nhiệm của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 quy định chế độ hỗ trợ đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Có thể nói, với sự quan tâm Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh và các cấp, các ngành trong tỉnh, đội ngũ người có uy tín cùng với các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể tại địa phương đã phối hợp, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành các chủ trương,

đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

1. Một số kết quả thực hiện chính sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Về chế độ cung cấp thông tin: Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của địa phương luôn quan tâm và tranh thủ người có uy tín để cung cấp thông tin, hướng dẫn và đề xuất một số nhiệm vụ cho người có uy tín để tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; hàng năm người có uy tín được cấp ủy, chính quyền địa phương mời tham dự các buổi phổ biến pháp luật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư tại địa phương; các buổi hội nghị, họp dân để tuyên truyền, cung cấp thông tin thời sự về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; được cấp đầy đủ các loại báo như: Báo Dân tộc và phát triển và báo Đồng Nai; được tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, tiếp xúc với lãnh đạo các cấp để lĩnh hội các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và học tập các mô hình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh bạn về áp dụng ở địa phương.

- Về chế độ hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần: Các Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tổ chức thăm hỏi, tặng quà người có uy tín nhân các dịp Lễ, tết Nguyên Đán, tết truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; khi gia đình người có uy tín gặp khó khăn, người có uy tín bị ốm đau hoặc qua đời đều được các cấp, các ngành tổ chức thăm hỏi, phúng điếu kịp thời. Năm 2022, Ban Dân tộc tham mưu kịp thời cho UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chế độ hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ 100% thẻ bảo hiểm y tế cho người có uy tín chưa có thẻ BHYT, hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ với mức 800.000 đồng/người/tháng.

- Về công tác khen thưởng: Người có uy tín được Ủy ban Dân tộc và các cấp chính quyền địa phương khen thưởng có thành tích tiêu biểu xuất sắc góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có thành tích trong hoạt động công tác dân tộc với 746 lượt người được khen.

Tổng kinh phí bố trí đã thực hiện chế độ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn từ năm 2011 đến năm nay là 23.995.973.281 đồng.



2. Đánh giá việc phát huy vai trò người có uy tín trong việc thực hiện nhiệm vụ tại địa phương

a. Trong tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong những năm qua, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã phát huy được vai trò nòng cốt, luôn nắm bắt tâm tư của đồng bào dân tộc thiểu số; là cầu nối đưa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc thiểu số gần gũi, dễ hiểu nhất. Người có uy tín luôn tiếp cận, chia sẻ với bà con qua cách thức, lời lẽ tuyên truyền gần gũi, khéo léo đã góp phần củng cố niềm tin của bà con vào Đảng, chính quyền, khuyến khích bà con tích cực làm ăn, phát triển kinh tế. Hàng năm, phối hợp với địa phương và các cơ quan của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và tại các điểm trường có đông con em đồng bào dân tộc thiểu số theo học.

Định kỳ, người có uy tín phối hợp với các Ban áp trên địa bàn vận động người dân tổ chức vệ sinh, trang hoàng lại ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vận động người dân giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương; vận động thanh niên không uống rượu bia cũng như tham gia với các Ban áp và chính quyền giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương; quản lý, giáo dục một số thanh thiếu niên, con em cá biệt là người dân tộc tại địa phương thông qua các hình thức sinh hoạt cộng đồng như tạo sân chơi cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các nội dung có liên quan về việc tìm hiểu kiến thức pháp luật, giáo dục gia đình.

b. Phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và Nông thôn mới nâng cao, người có uy tín giữ vai trò quan trọng trong việc vận động đồng bào tham gia đóng góp để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực đồng bào sinh sống. Nhiều nơi, với sự giúp đỡ của các tổ chức đoàn thể, những người có uy tín đã xây dựng và đưa vào sử dụng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây ăn quả và cây công nghiệp cho chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Từ đó, nhiều gia đình mạnh dạn đầu tư và bước đầu ổn định đời sống, phát triển kinh tế, có nơi còn tham gia giải quyết việc làm cho nhiều lao động trong khu vực.

c. Xây dựng hệ thống chính trị, chính quyền cơ sở và khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhận thức rõ tầm quan trọng trong việc xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và khối đại đoàn kết dân tộc người có uy tín tích cực hưởng ứng, vận động đồng bào đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động của địa phương theo phương châm “Hướng về cơ sở, địa bàn dân cư và hộ gia đình”. Việc tổ chức các hoạt động “Ngày hội đại đoàn kết các dân tộc”, “Ngày hội

toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” là dịp để các ấp, khu phố biểu dương sức mạnh của sự đoàn kết nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bằng uy tín của mình, những người có uy tín là các già làng, trưởng ấp, trưởng dòng họ đã tích cực vận động con em tham gia các hội, đoàn thể ở cơ sở, xây dựng tổ chức Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi... ở địa phương ngày càng vững mạnh; tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền cơ sở.

d. Giữ gìn an ninh, trật tự xã hội.

Người có uy tín phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc vận động đồng bào dân tộc tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, tích cực tham gia các tổ hòa giải để vận động bà con sống hòa thuận đoàn kết, giữ vững nét sống văn hóa tốt đẹp, nhắc nhở bà con nhân dân giữ gìn an ninh trật tự, không gây mất đoàn kết trong khu dân cư, không mắc vào các tệ nạn xã hội, tham gia giao thông an toàn.

Người có uy tín là cánh tay đắc lực giúp các ngành chức năng triển khai và thực hiện tốt các nhiệm vụ vận động đồng bào tham gia xây dựng phong trào “Tổ tự quản, đội dân phòng”, “tô phòng chống Covid 19” phát hiện tố giác tội phạm và cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho các cơ quan chức năng đã góp quan trọng trong công tác giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

e. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư.

- Với nhiều thành phần dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của từng dân tộc luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm và tạo điều kiện tổ chức. Nhiều Lễ, Tết truyền thống của các dân tộc trong tỉnh được phục dựng, hiện nay tỉnh Đồng Nai có 14 nhà văn hóa dân tộc, tỉnh đã mua sắm trang bị các loại nhạc cụ dân tộc truyền thống cho đồng bào các dân tộc thiểu số như dân tộc: Chơ ro, Châu Mạ, X'Tiêng, Cơ ho, Tày, Nùng, Hoa, Khmer... có điều kiện để sinh hoạt.

- Vai trò của người có uy tín được thể hiện rõ trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thông qua duy trì tổ chức Lễ, Tết truyền thống, duy trì tiếng nói, chữ viết và văn hóa phi vật thể của đồng bào; vận động đồng bào tích cực tham gia Ngày hội Văn hóa - Thể thao các dân tộc thiểu số được tổ chức ở cấp huyện, cấp tỉnh và tham gia hội thi thể thao toàn quốc và đã trở thành nơi giao lưu văn hóa, thể thao góp phần xây dựng, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia tuyên truyền, vận động bà con đồng bào dân tộc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội; tuyên truyền loại bỏ những hủ tục, tập quán lạc hậu, vận động hỗ trợ các gia đình gặp khó khăn.

### 3. Một số khó khăn, tồn tại

- Đa phần đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn; trình độ dân trí thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Nhận

thức pháp luật và ý thức pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số có phần hạn chế nên cũng gây khó khăn cho công tác tuyên truyền, vận động của người có uy tín.

- Một số người có uy tín tuổi cao, sức yếu, hoạt động chủ yếu bằng kinh nghiệm thực tiễn nên chưa phát huy tốt vai trò của mình tại địa phương.

Kính thưa! Quý vị đại biểu

Từ những kết quả đạt được nêu trên. Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai, rút ra những kinh nghiệm trong công tác phát huy vai trò người có uy tín tại tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

### 4. Kinh nghiệm trong công tác phát huy vai trò người có uy tín tại tỉnh Đồng Nai

Một là, Các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở luôn nhận thức một cách sâu sắc vị trí, vai trò của người uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là hết sức quan trọng và cần thiết, là cầu nối chuyển tải chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước đến với nhân dân và là nơi phản ánh những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng chính đáng của nhân dân đến với Đảng và Nhà nước. Vì vậy từ công tác bình chọn được các địa phương đặc biệt quan tâm thực hiện nghiêm túc theo quy trình Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công nhận bộ thủ tục hành chính và quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai. Trong đó, gồm: Thủ tục công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và thủ tục đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Hai là, thực hiện tốt chính sách đối với người uy tín. Tỉnh Đồng Nai luôn xác định thực hiện chế độ chính sách đối người có uy tín là điều kiện tiên quyết giúp cho đội ngũ người có uy tín chủ động tham gia các hoạt động tại địa phương. Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai đã tham mưu cơ chế chính sách trình UBND tỉnh và HĐND tỉnh ban hành cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương. Theo đó các chế độ cung cấp thông tin, thăm hỏi; biểu dương khen thưởng; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm được thực hiện tốt; hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người có uy tín chưa có thẻ BHYT, hỗ trợ người có uy tín thực hiện nhiệm vụ với mức 800.000 đồng/người/tháng. Qua đó, người có uy tín đã hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình cùng với các cấp đảng, chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ của mình tại cơ sở.

Ba là, Xây dựng đội ngũ người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải là những người tiêu biểu trong đạo đức, lối sống, có trình độ nhận thức tốt, am hiểu phong tục tập quán của đồng bào nơi cư trú, có uy tín thực sự và gắn bó với nhân dân trong ấp, khu phố. Từ đó phối hợp với các cơ quan báo, đài để xây dựng những chuyên trang, chuyên mục giới thiệu những gương điển hình tiêu biểu có sức lan tỏa trong công đồng để đội ngũ người có uy tín trao đổi, học tập lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.

Bốn là, Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa người có uy tín, với Mặt trận và các đoàn thể của ấp, xã nhằm tranh thủ phát huy vai trò người có uy tín trong quá trình hoạt động, tạo thuận lợi cho người uy tín phát huy tốt vai trò của mình. Đồng thời, thường xuyên cung cấp thông tin hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để người có uy tín nắm bắt và tuyên truyền vận động trong nhân dân.

Năm là, Làm tốt công tác biểu dương khen thưởng đối với người có uy tín gắn với việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người có uy tín hàng năm để khích lệ động viên kịp thời đối với người có uy tín thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời rà soát, thay thế, bổ sung kịp thời đối với những người có uy tín không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Từ đó, tạo sự công bằng, tạo động lực cho người có uy tín tâm huyết và cống hiến đối với công tác của mình tại địa phương.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đại biểu đã lắng nghe!

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Tại Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**  
(ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại tỉnh Quảng Ngãi)

***Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận***

*Kính thưa: Các đồng chí Lãnh đạo UBND (Chủ trì Hội thảo)!*

*Kính thưa: Quý vị đại biểu tham dự Hội thảo!*

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội thảo, Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận xin phát biểu tham luận với chủ đề “*Kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận*”, như sau:

Ninh Thuận là tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ; có diện tích tự nhiên 3.358 km<sup>2</sup>, dân số 181.788 hộ/722.689 khẩu; có 06 huyện và 01 thành phố, trong đó, huyện Bác Ái thuộc huyện nghèo theo 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 2021-2025, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh có 28 xã ; trong đó có 15 xã khu vực III, 01 xã khu vực II, 12 xã khu vực I với 71 thôn đặc biệt khó khăn.

Toàn tỉnh có 32 dân tộc thiểu số, với 38.431 hộ/170.566 khẩu, chiếm 23% dân số toàn tỉnh; (dân tộc Raglai 17.762/76.295 khẩu, chiếm 10,6% dân số toàn tỉnh; dân tộc Chăm 19.239 hộ/85.343 khẩu, chiếm 11% dân số toàn tỉnh; dân tộc Hoa 974 hộ/3.759 khẩu, chiếm 0,53% dân số toàn tỉnh; các dân tộc thiểu số khác 728 hộ/3.828 khẩu, chiếm 0,53% dân số toàn tỉnh). (Hộ nghèo dân tộc thiểu số 8.635 hộ/38.860 khẩu, chiếm 22,46% so với hộ DTTS; Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số 4.687 hộ/22.753 khẩu, chiếm 12,19% so với hộ DTTS). Đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận có truyền thống đoàn kết, yêu nước, có bản sắc văn hóa, tiếng nói riêng của mỗi dân tộc; trong đó dân tộc Chăm và dân tộc Raglai theo chế độ mẫu hệ. Dân tộc Chăm sinh sống chủ yếu ở vùng đồng bằng, sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt và chăn nuôi. Dân tộc Raglai và K’ho chủ yếu ở miền núi, sinh sống bằng nghề nông nghiệp.

*Kính thưa: toàn thể Quý vị đại biểu !*

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025; nhằm cụ thể hóa Quyết định nêu trên, Tỉnh ủy Ninh Thuận ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/01/2022; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 30/8/2022; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 11/9/2022 về việc ban

hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Kế hoạch số 252 /KH-UBND ngày 24/01/2023 Triển khai thực hiện Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10 về Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; trong năm 2022, UBND tỉnh Ninh Thuận đã tổ chức Hội nghị gặp mặt, biểu dương Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Như chúng ta đã biết, Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ, nghề nghiệp, độ tuổi, tôn giáo khác nhau nhưng họ luôn là tấm gương tiêu biểu trên các lĩnh vực đời sống, kinh tế và đặc biệt là lĩnh vực tinh thần; Người có uy tín trong đồng bào DTTS là lực lượng nòng cốt, cầu nối quan trọng giữa cấp ủy Đảng, Chính quyền với người dân; có ảnh hưởng lớn trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS xây dựng Đảng, Chính quyền, hệ thống chính trị ở địa phương; tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đại đoàn kết các dân tộc; đóng góp tích cực trong các phong trào thi đua yêu nước, phong trào xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn vùng DTTS.

Các Cấp ủy, Chính quyền địa phương luôn quan tâm và tranh thủ Người có uy tín để cung cấp thông tin cho Người có uy tín để tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước, các phong trào thi đua, cuộc vận động của địa phương; kết quả đã làm chuyển biến về nhận thức, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trong sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Người có uy tín tham gia vào các hoạt động của địa phương, tham gia Ban giám sát đầu tư cộng đồng các chương trình, dự án tại địa phương.

Hàng năm, Người có uy tín trong đồng bào DTTS được các địa phương bình chọn trong các chức sắc, già làng, nhân sĩ, trí thức, cán bộ hưu trí, trưởng thôn, bí thư chi bộ thôn, khu phố và những người tiêu biểu có nhiều công lao đóng góp trong các phong trào thi đua yêu nước, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết các dân tộc, là người đi đầu trong các phong trào thi đua làm kinh tế giỏi và các cuộc vận động của địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt danh sách 124 người có uy tín.

Để triển khai thực hiện chính sách và phát huy được vai trò Người có uy tín trong đồng bào DTTS, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo, giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố tổ chức hội nghị quán triệt, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo kịp thời, đúng theo quy định như : tổ chức mở lớp tập huấn, cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh trật tự của tỉnh; các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; một số nội dung cơ bản của Luật Đất đai, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản pháp luật mới ban hành...; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh bạn về áp dụng ở địa phương.

*Kính thưa: toàn thể Quý vị đại biểu !*

Qua hơn 02 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Cấp ủy, chính quyền tích cực quan tâm chỉ đạo, triển khai, thực hiện có hiệu quả các chính sách đối với người có uy tín đã phát huy tốt vai trò của người có uy tín thật sự là “cánh tay” nối dài của Đảng, Nhà nước trong công tác vận động quần chúng, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào dân tộc thiểu số và giúp đồng bào ổn định đời sống, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới; giáo dục gia đình, người thân, cộng đồng nơi cư trú không vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội, cảnh giác với mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền xuyên tạc chống phá, gây chia rẽ mất khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời hướng dẫn người dân biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế gia đình. *Tuy nhiên*, đời sống kinh tế của một bộ phận người có uy tín còn gặp khó khăn nên một số người có uy tín chưa phát hết vai trò, công tác truyền truyền, vận động trong đồng bào dân tộc thiểu số đôi lúc chưa được thường xuyên.

\* Để tiếp tục nâng cao hiệu quả phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, định hướng nhiệm vụ, nội dung hoạt động đối với Người có uy tín; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác vận động quần chúng; trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp; cung cấp thông tin tình hình phát triển kinh tế - xã hội, chủ trương, chính sách mới cho Người có uy tín.

*Hai là*, Tạo điều kiện cho Người có uy tín được tham gia giám sát, góp ý xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết của Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

*Ba là*, Tiếp tục phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đi đầu đột phá trong thực hiện các chương trình, dự án về phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tích cực tham gia hòa giải ở cơ sở, đấu tranh ngăn chặn kịp thời các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, kích động của kẻ xấu gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Bốn là*, Kịp thời biểu dương người có uy tín có nhiều đóng góp trong các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; “Toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân đoàn kết chung tay xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua yêu nước khác tại địa phương; nhân rộng gương điển hình tiên tiến người có uy tín trong sản xuất, kinh doanh giỏi; phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao...

*\* Kiến nghị, đề xuất*

Nhằm quan tâm động viên kịp thời người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số phát huy vai trò của họ trong công tác tại địa phương, xin kiến nghị: Trung ương xem xét hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động hàng tháng cho Người có uy tín để phục vụ cho việc đi lại tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cuối cùng thay mặt Lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận kính chúc các đồng chí Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, Lãnh đạo các tỉnh và toàn thể quý vị đại biểu dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và chúc Hội thảo chúng ta thành công tốt đẹp.

*Xin trân trọng cảm ơn!*



**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Kinh nghiệm phát huy vai trò của người có uy tín trong**  
**phát triển cộng đồng, giữ gìn an ninh trật tự vùng**  
**đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới quốc gia tỉnh Quảng Trị**

*Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị*

Tỉnh Quảng Trị thuộc khu vực Bắc Trung Bộ; Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình; phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế; phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp tỉnh Savanakhet và Salavan, nước CHDCND Lào. Vị trí địa lý của tỉnh có tầm chiến lược quan trọng trong quốc phòng, an ninh; thuận lợi trong mở rộng hợp tác kinh tế, vận tải quốc tế, giao thương hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch với các địa phương trong nước và các nước trong khu vực.

Tuyến biên giới đất liền tỉnh Quảng Trị dài 187,864 km tiếp giáp tỉnh Savannakhet, tỉnh Salavan nước Cộng dân chủ nhân dân Lào có 62 vị trí/ 68 mốc quốc giới, 37 cọc dấu tại địa bàn 02 huyện Hướng Hóa và Đakrông.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới có 15 xã, 01 thị trấn với 124 thôn bản trong đó 97 thôn bản vùng dân tộc thiểu số. Dân số có đến ngày 31/12/2022 là 16.543 hộ/73.424 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 10.492 hộ, 48.981 khẩu, chiếm 67% dân số toàn vùng.

Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đến nay vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuyến biên giới đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo lợi thế của từng tiểu vùng, hạ tầng cơ sở được xây dựng đồng bộ phục vụ cơ bản cho sản xuất và đời sống dân sinh; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố kiện toàn, chủ quyền lãnh thổ, an ninh trật tự tuyến biên giới cơ bản ổn định, đối ngoại được tăng cường. Đồng bào các dân tộc tuyến biên giới đoàn kết, tương thân, tương ái, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới vẫn là vùng khó khăn so với toàn vùng dân tộc thiểu số của huyện, của tỉnh. Số hộ nghèo năm 2022 là 6.940 hộ (41,95%), trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số 6.717 hộ, (64,02% so với số hộ dân tộc thiểu số và 97% số hộ nghèo toàn tuyến biên giới). Tình trạng thiếu việc làm, thu nhập thấp và không ổn định vẫn là những thách thức lớn; cơ sở hạ tầng nhiều nơi xuống cấp, nhất là hệ thống giao thông liên thôn xã đi lại rất khó khăn vào mùa mưa bão. Việc đào tạo nghề và sử dụng lao động trong nông nghiệp, nông thôn chưa thực sự tạo sinh kế giúp đồng bào thoát nghèo bền vững. Các thế lực phản động lợi dụng những vấn đề mới, nhạy cảm trong xã hội, nhất là lợi dụng tình hình đời sống khó khăn, trình độ còn hạn chế của nhân dân và quan hệ bà con thân tộc ở hai bên biên giới để tuyên truyền đạo trái phép làm cho tình hình an ninh chính

trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định. Hoạt động của các loại tội phạm nhất là tội phạm, tệ nạn về ma túy xuất hiện những thủ đoạn ngày càng tinh vi khó kiểm soát.

Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, Bộ ngành Trung ương và của tỉnh, huyện; đội ngũ người có uy tín khu vực biên giới đất liền tỉnh Quảng Trị đã được Ban Dân tộc và Phòng Dân tộc các huyện Hướng Hóa, Đakrông phối hợp các ngành chức năng trên địa bàn như Biên phòng, Công an tổ chức triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng quy định, phát huy tốt vai trò của người có uy tín tại khu vực biên giới Việt – Lào tỉnh Quảng Trị.

Số lượng người có uy tín khu vực biên giới tỉnh Quảng Trị hiện có là 97 người (giảm 34 người so với thời điểm 01/01/2020 do sáp nhập thôn bản), trong đó dân tộc Vân Kiều 62 người, dân tộc Pa Cô 35 người và các yếu tố thành phần như sau: Già làng 35 người, Trưởng dòng họ 8 người, Trưởng thôn 6 người, cán bộ hưu trí 16 người, chức sắc tôn giáo: Không, Thầy cúng 02 người, Nhân sỹ, trí thức 01 người, doanh nhân sản xuất giỏi 2 người, đảng viên 40 người, thành phần khác 24 người.

Là cầu nối vững chắc giữa ý Đảng và lòng dân, đội ngũ người có uy tín khu vực biên giới luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ với Cấp ủy, chính quyền cơ sở và lực lượng chức năng trên địa bàn trong việc tiếp thu các nội dung chỉ đạo về tình hình an ninh trật tự của cấp trên để tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện và là người theo sát tình hình, tiếp nhận và cung cấp thông tin cho các ngành chức năng phục vụ kịp thời cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

Bằng uy tín, trải nghiệm và tầm ảnh hưởng trong dòng họ, cộng đồng dân tộc, đội ngũ người có uy tín khu vực biên giới đã làm tốt việc tuyên truyền, vận động người dân chấp hành pháp luật, các hiệp định, quy chế biên giới, giữ gìn lịch sử đường biên, mốc giới quốc gia và trực tiếp tham gia hòa giải thành công các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp không chỉ trong nội bộ mà còn có các vụ việc liên quan đến quan hệ thân tộc hai bên biên giới, góp phần rất lớn trong việc bảo đảm an ninh trật tự, đoàn kết dân tộc và tình hữu nghị với nước bạn Lào.

Với những đóng góp tích cực và thành tích đạt được, đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tuyến biên giới đã được các cấp các ngành ghi nhận, khen thưởng. Năm 2017 có 01 đại biểu được bình chọn dự “Lễ tuyên dương người có uy tín, nhân sỹ trí thức và doanh nhân tiêu biểu dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2017”; năm 2018 có 05 đại biểu đi dự Lễ tôn vinh Chương trình “Điểm tựa của bản làng” do Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản - Ủy ban Dân tộc – Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đồng tổ chức; năm 2020 có 01

đại biểu là người có uy tín tiêu biểu được bình chọn đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ II.

Từ những kết quả đạt được, kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của người có uy tín trong phát triển cộng đồng và giữ gìn an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới quốc gia như sau:

1. Việc bình chọn người có uy tín ở vùng biên giới không nhất thiết tập trung vào 01 đến 02 thành phần như nhau ở các thôn bản trong cùng 01 xã mà phải định hướng để cộng đồng mở rộng phạm vi lựa chọn, đảm bảo có đủ người có uy tín theo thành phần trên các lĩnh vực. Có như thế, vai trò của người có uy tín được mở rộng phạm vi ảnh hưởng của nhiều thôn bản trong xã, không bó hẹp chỉ riêng trong cộng đồng thôn bản của người có uy tín. Cần ưu tiên định hướng lựa chọn những người có uy tín có ảnh hưởng trong những lĩnh vực trọng yếu khu vực biên giới như quan hệ thân tộc giữa 02 quốc gia và có vai trò ảnh hưởng trong tôn giáo, trong phát triển kinh tế, trong giữ gìn an ninh trật tự v.v.

2. Các ngành Công an, Biên phòng, Dân tộc, Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải có sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện chính sách người có uy tín khu vực biên giới theo phân kỳ kế hoạch, để nhìn nhận, đánh giá công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong các phương pháp, cách làm, phân công trách nhiệm cụ thể hơn. Ngoài hình thức biểu dương người có uy tín ở các cấp vào “Ngày Biên phòng toàn dân” 3/3 hàng năm, đề nghị Ủy ban Dân tộc nghiên cứu tổ chức Lễ tôn vinh Chương trình “Điểm tựa của bản làng” theo hướng mở rộng phạm vi đến quy mô vùng, miền địa phương (Vùng địa phương I, vùng địa phương II..) hoặc khu vực (Tây Bắc, Đông Bắc, Duyên hải Miền Trung...) để công tác tuyên dương đáp ứng được với số lượng đại biểu, nhân tố điển hình trong phong trào thi đua tại địa phương được kịp thời và có sức lan tỏa lớn.

3. Việc cung cấp thông tin cho người có uy tín tuyến biên giới cần được thay đổi về hình thức và tăng tần suất so với các vùng khác (như cấp điện thoại liên lạc, cấp bì, tem thư ghi sẵn địa chỉ để người uy tín gửi phản ánh về tình hình thực tế tại cộng đồng/cơ sở); cung cấp thông tin kịp thời về tình hình kinh tế xã hội an ninh quốc phòng; kế hoạch và tổ chức thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại vùng dân tộc thiểu số: Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình Xây dựng Nông thôn mới và Chương trình Giảm nghèo bền vững qua các phiên họp, hội nghị tại cấp cơ sở vùng biên giới.

Ngoài công tác bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín do cơ quan công tác Dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức, đề nghị các ngành Công an - Bộ đội Biên phòng tăng cường xây dựng chương trình tập huấn cho người có uy tín về nội dung quốc phòng, an ninh, phòng, chống tội phạm, âm mưu thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch theo sát với tình hình diễn biến thực tế khu vực biên giới

4. Người có uy tín cần kết hợp hài hòa về luật tục truyền thống chứa đựng tính giáo dục, tính nhân văn, bản sắc văn hóa của dân tộc và quy định của pháp luật hiện hành, thực tiễn vùng biên giới để đề xuất chính quyền cơ sở định hướng xây dựng quy ước, hương ước thôn bản và tổ chức các hoạt động, mô hình: “Gia đình không có người vi phạm pháp luật, không có người phạm tội, không có người tàng trữ, mua bán và sử dụng chất ma túy...”, “Phong trào quần chúng tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới, giữ gìn an ninh trật tự thôn, ấp” gắn với các mô hình phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội; Câu lạc bộ “Gia đình không có người thân phạm tội, mắc tệ nạn xã hội”, “Điểm sáng biên giới”... vv và đề xuất giải pháp đến các cấp thẩm quyền chỉ đạo thực hiện hiệu quả hơn.

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị báo cáo nội dung tham luận. Kính chúc quý vị sức khỏe và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn Hội thảo./.

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Phát huy vai trò của người có uy tín trong**  
**đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông**

*Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông*

Tỉnh Đắk Nông được thành lập ngày 01/01/2004, có diện tích tự nhiên là 651.438 ha. Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam của vùng Tây Nguyên; có 07 huyện, 01 thành phố; có 71 xã, phường, thị trấn; có 07 xã biên giới thuộc 4 huyện giáp tỉnh Muldulkiri - Vương quốc Campuchia. Tỉnh Đắk Nông hiện có 40 thành phần dân tộc cùng sinh sống, chiếm tỷ lệ 32% so với dân số toàn tỉnh; có 03 dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ (M'Nông, Mạ, và Ê Đê), chiếm 10,37% so với dân số toàn tỉnh và 32,45% so với tổng số DTTS.

Hiện nay, tỉnh Đắk Nông có 309 người có uy tín trong đồng bào DTTS (NCUT) thuộc 12 thành phần dân tộc; trong đó, dân tộc M'Nông có số lượng NCUT được bình chọn, phê duyệt nhiều nhất (102 người) chiếm tỷ lệ 33% tổng số NCUT toàn tỉnh. Trong đó: Nam 293 người, nữ 16 người; Về độ tuổi: Dưới 50 tuổi có 46 người; trên 50 tuổi có 263 người. NCUT tỉnh Đắk Nông khá đa dạng gồm Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, bản và tương đương; Trưởng ban công tác Mặt trận thôn; Già làng; Cán bộ nghỉ hưu; Sư sãi, chức sắc tôn giáo; Nghệ Nhân dân gian; Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ trí thức DTTS, đảng viên; ...

NCUT tỉnh Đắk Nông là lực lượng quân chúng đặc biệt, có vị trí, vai trò quan trọng, họ không chỉ góp phần giúp các cơ quan trong hệ thống chính trị tổ chức thắng lợi nhiệm vụ được giao mà còn giúp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân gửi tới Đảng, Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng nếp sống văn hóa và bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị cơ sở.

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương và tình hình thực tiễn, tỉnh Đắk Nông chia sẻ một số hoạt động phát huy hiệu quả vai trò NCUT trên địa bàn tỉnh như sau:*

- Tỉnh Đắk Nông xác định xây dựng đội ngũ NCUT là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng ở cơ sở. Vì vậy, công tác bình chọn, công nhận NCUT đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan từ cấp thôn và bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện theo quy định. Ngoài các tiêu chí theo quy định, trên cơ sở thực tiễn, người được lựa chọn, đề nghị phê duyệt NCUT thực sự là người được đồng bào các dân tộc tín nhiệm, có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển của cộng đồng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc trong vùng đồng bào DTTS và thực sự là chỗ dựa đáng tin cậy của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị.

- Các cấp ủy Đảng, đoàn thể và chính quyền tạo môi trường thuận lợi cho NCUT phát huy hiệu quả vai trò, chức năng, nhiệm vụ; tăng cường các hình thức gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với NCUT. Tỉnh Đắk Nông thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan Mặt trận Tổ quốc, Dân vận, Dân tộc, Công an, Quân đội và các tổ chức đoàn thể, tránh chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ phát huy vai trò tối đa của NCUT.

Thực tế cho thấy, nơi nào có sự phân cấp, phân công rõ ràng, cụ thể và có sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, chính quyền với NCUT thì ở đó, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chương trình, kế hoạch của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương được thực hiện tốt, có hiệu quả hơn và ngược lại. Qua đó, NCUT phát huy trách nhiệm cá nhân của NCUT trong việc giữ mối liên hệ chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là trong cung cấp thông tin chính xác về tình hình ở thôn/bon/buôn/bản; phản ánh đầy đủ, kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân đến cấp có thẩm quyền. Đồng thời, NCUT được thuận lợi trong tuyên truyền vận động Nhân dân; tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch và trực tiếp tham gia thực hiện, giám sát thực hiện các chương trình, chính sách, dự án, kế hoạch tại địa phương. Vì vậy, trong những năm qua, vùng DTTS tỉnh Đắk Nông luôn ổn định, không phát sinh “điểm nóng”, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

- Trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước, vùng đồng bào DTTS tỉnh Đắk Nông luôn có sự thay đổi, đặc biệt là sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin đòi hỏi về chất lượng của đội ngũ NCUT, kéo theo đó là sự biến đổi về tình hình, chất lượng đội ngũ NCUT ngày càng nâng lên. Vì vậy, tỉnh Đắk Nông áp dụng đa dạng phương thức tổ chức cung cấp thông tin, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng hoặc lồng ghép thực hiện thường xuyên, kịp thời về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, định hướng rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trước các luồng dư luận xã hội; tình hình phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự; các Chương trình, dự án, chính sách dân tộc đang thực hiện ở địa phương.

Hoạt động cung cấp thông tin, đào tạo, bồi dưỡng NCUT được tỉnh Đắk Nông thực hiện kịp thời với phương thức tổ chức phù hợp, thiết thực. Chú trọng, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng cho NCUT như: tuyên truyền miệng; vận động thuyết phục; nắm bắt dư luận quần chúng; hòa giải;.... Khuyến khích NCUT nêu cao trách nhiệm trong tự nghiên cứu để trau dồi kỹ năng tuyên truyền, vận động và kiến thức về kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường, an ninh quốc phòng để thực hiện tốt vai trò của mình.

- Tỉnh Đắk Nông đặc biệt quan tâm, khuyến khích NCUT tích cực chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm của bản thân; tuyên truyền nhân rộng các mô hình

làm lan tỏa hiệu ứng tiên phong, hướng dẫn cộng đồng phát triển sản xuất, phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng. Tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào các DTTS thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc; kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động trái pháp luật, các hoạt động có ảnh hưởng không tốt đến an ninh trên địa bàn; tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường. Trong đó, quan tâm, vận động đội ngũ NCUT trẻ tuổi phát huy thế mạnh về sức khỏe, trình độ, sự năng động, khả năng thích ứng cao trước sự thay đổi của kinh tế- xã hội, đóng góp vào sự phát triển của địa phương; động viên, khích lệ NCUT cao tuổi chia sẻ trải nghiệm, kinh nghiệm, kiến thức về lịch sử, con người, cuộc sống trong thôn, bon, buôn, bản cho thế hệ kế cận.

- Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước không chỉ ghi nhận vai trò quan trọng của họ mà còn là sự quan tâm, động viên, khích lệ đối với NCUT. Cụ thể hóa, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống, tỉnh Đắk Nông đã triển khai kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với NCUT. Trước sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, NCUT tỉnh Đắk Nông phát huy tốt vai trò và truyền cảm hứng, lan tỏa niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, tinh thần vượt mọi khó khăn, lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc đến Nhân dân.

Đội ngũ NCUT tỉnh Đắk Nông thực sự là tấm gương sáng về sự cống hiến vô tư, trách nhiệm trong sự nghiệp phát triển của dân tộc, quê hương. Không phân biệt thành phần, độ tuổi, dân tộc, hoặc có là đảng viên hay không, đội ngũ NCUT tỉnh Đắk Nông luôn cháy bỏng nhiệt huyết, khẳng định được vị trí, vai trò của mình trước niềm tin của Nhân dân và kỳ vọng của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể. Những vấn đề nổi lên hoặc nguy cơ tiềm ẩn ở vùng đồng bào DTTS đầy biến động trong quá trình hội nhập, phát triển cùng đất nước được phát hiện, giải quyết kịp thời, hiệu quả có phần đóng góp quan trọng của đội ngũ NCUT. Nhận thức sâu sắc về quan điểm của Đảng, Nhà nước, tỉnh Đắk Nông đã xây dựng và kịp thời triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ NCUT và chất lượng hoạt động của NCUT đáp ứng yêu cầu thực tiễn đời sống xã hội, nhất là vùng đồng bào DTTS. Qua đó, nâng cao rõ rệt hiệu quả công tác dân vận và tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN** **PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN** **TỘC THIỂU SỐ KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

*Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình*

### **1. Tổng quan vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình<sup>1</sup> có diện tích tự nhiên trên 3.800 km<sup>2</sup> (chiếm gần ½ diện tích tự nhiên của toàn tỉnh) có 11 xã khu vực III, 2 xã khu vực II, 1 xã khu vực I thuộc các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa và Minh Hóa. Có 9 xã biên giới với hơn 222 km đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Theo số liệu thống kê đến cuối năm 2022 dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số có gần 11.000 hộ, với hơn 45.000 người. Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung theo cộng đồng ở 104 thôn, bản thuộc các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Dân số đồng bào dân tộc thiểu số có trên 6.400 hộ, với gần 28.000 người (chiếm khoảng 2,96% dân số toàn tỉnh), trong đó: Dân tộc Bru - Vân kiều có 4.543 hộ, 19.209 khẩu, gồm các tộc người: Vân kiều, Khùa, Ma Coong, Trì; Dân tộc Chứt có 1.717 hộ, 7.064 khẩu, gồm các tộc người: Sách, Rục, A rem, Mày, Mã Liềng. Đây là 2 dân tộc thiểu số có số dân đông nhất, còn lại là các dân tộc thiểu số khác với số dân không nhiều như: Mường, Thổ, Tày, Nùng, Thái...

Trong những năm qua, nhờ thực hiện tốt công tác dân tộc, cũng như các chương trình, dự án, chính sách như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135, Quyết định số 2085/QĐ-TTg, Quyết định số 2086/QĐ-TTg,... góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bộ mặt nông thôn miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều khởi sắc. Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu (giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm xá, thông tin liên lạc...) được đầu tư xây dựng khá đồng bộ. Đến nay, 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã; 88,23% xã có điện lưới quốc gia<sup>2</sup>; 100% xã có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; 100% xã có trạm y tế; 100% xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình, sóng di động đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân.

Đời sống của đồng bào được cải thiện, có bước phát triển. Một bộ phận đồng bào bước đầu biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi mang lại hiệu quả cao. Đã xuất hiện nhiều

<sup>1</sup> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

<sup>2</sup> Hiện nay còn 36 thôn bản và cụm dân cư chưa có điện lưới, bà con sử dụng điện Năng lượng mặt trời.



hộ gia đình người dân tộc thiểu số là các điển hình tiên tiến trong sản xuất, phát triển kinh tế. Số hộ đồng bào dân tộc có thu nhập khá trở lên ngày càng tăng<sup>3</sup>. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4-5%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Năm 2022 tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số giảm 8,2%/năm.

Giáo dục đào tạo có bước phát triển, hệ thống cấp học hoàn chỉnh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông; hệ thống trường dân tộc nội trú, bán trú phát triển<sup>4</sup>. 100% xã có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, nhiều nơi đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng. Các ngành, các cấp đã tổ chức sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số<sup>5</sup>. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được duy trì và phát triển. Nhiều gia đình, thôn, bản, khu dân cư ở vùng dân tộc và miền núi được công nhận là gia đình văn hóa, đơn vị văn hóa. Mức hưởng thụ văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên.

Công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân được quan tâm. Nhiều chính sách về y tế được triển khai. 100% xã có trạm y tế, được bố trí bác sỹ, y sỹ, nữ hộ sinh<sup>6</sup>; 100% thôn bản có nhân viên y tế cộng đồng; Người dân hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số được cấp thẻ BHYT và được hỗ trợ một phần suất ăn khi điều trị tại bệnh viện; trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng, khám chữa bệnh miễn phí. Bên cạnh đó, các trạm y tế quân dân y được đầu tư xây dựng ở các xã biên giới<sup>7</sup> nhằm đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

Hệ thống chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được kiến toàn, củng cố. Hiện nay các xã vùng dân tộc thiểu số không còn “bản trắng” về chi bộ và đảng viên<sup>8</sup>. Hoạt động của hệ thống chính trị ở vùng dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên, làm nòng cốt trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, thực hiện tốt các chủ trương chính sách của đảng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã

<sup>3</sup> Đến nay, các vùng dân tộc thiểu số toàn tỉnh có hơn 700 hộ làm ăn khá, giỏi, trong đó có trên 500 hộ có thu nhập trên 30 triệu đồng trở lên/năm, gần 200 hộ có thu nhập từ 70 triệu đồng trở lên/năm.

<sup>4</sup> Trên địa bàn tỉnh có 5 trường Phổ thông Dân tộc Nội trú (01 cấp tỉnh, 04 trường cấp huyện trong đó có 1 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện đạt chuẩn quốc gia); 11 trường phổ thông dân tộc bán trú (02 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở; 8 trường Tiểu học và Trung học cơ sở)

<sup>5</sup> Lễ hội Đập trồng của tộc người Ma Coong ở xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch; Lễ hội Lập lỗ của tộc người Vân Kiều ở xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa Phi vật thể Quốc gia.

<sup>6</sup> Hiện nay ở 15 xã có đồng đồng bào dân tộc thiểu số đã có 14 xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia (chỉ còn Trạm y tế xã Thượng Trạch chưa đạt chuẩn); có 18 bác sỹ (mỗi trạm được bố trí 1 bác sỹ đa khoa, riêng các xã Kim Thủy (Lệ Thủy), Dân Hóa, Thượng Hóa (Minh Hóa) được bố trí 2 bác sỹ); 20 y sỹ và 16 điều dưỡng đang công tác tại các trạm y tế xã.

<sup>7</sup> Trạm Quân dân y ở các địa bàn: Làng Ho (Kim Thủy); trạm 61 (Thượng Trạch); Ra Mai (Trọng Hóa); Bãi Dinh (Dân Hóa).

<sup>8</sup> Tính đến 31/12/2020, đảng viên người dân tộc thiểu số là 1.208 người.

hội ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới ổn định; khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường, niềm tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước được nâng lên.

Để đạt được những kết quả như trên, có phần đóng góp quan trọng của đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Họ đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giữ gìn các phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tham gia tích cực vào các phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn và gương mẫu đi đầu trong phát triển kinh tế, tham gia đầy đủ các hoạt động của thôn, tổ dân phố phát động. Có thể khẳng định, đội ngũ người có uy tín vừa là cầu nối gắn kết giữa nhân dân với cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, mặt trận, đoàn thể; vừa là nòng cốt trong tuyên truyền, vận động, đi đầu trong các phong trào thi đua tại cơ sở, giúp cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời các vướng mắc, bức xúc trong đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, góp phần ổn định an ninh trật tự tại địa phương.

## **2. Kết quả đạt được trong thực hiện chính sách phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

- Về quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách đối với người có uy tín: Thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và Quyết định số 12/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện<sup>9</sup>, trong đó giao Ban Dân tộc phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung của chính sách cho cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan đơn vị tổ chức rà soát, bình chọn và công nhận người có uy tín để làm cơ sở thực hiện chính sách. Ban Dân tộc đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và các địa phương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai kịp thời các chế độ

<sup>9</sup>- Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 16/3/2012 về thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Kế hoạch số 655/KH-UBND ngày 30/5/2014 về thực hiện chính sách đối với NCUT trong đồng bào DTTS;

- Quyết định số 73/2014/QĐ-UBND, ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc quy định chính sách đối với NCUT trong đồng bào DTTS tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 quy định về vai trò, trách nhiệm của người có uy tín và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số” tình giai đoạn 2018-2020.

chính sách đối với NCUT; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách ở các địa phương; tổ chức hội nghị cung cấp thông tin, hội nghị biểu dương người có uy tín tiêu biểu trên địa bàn.

- *Về bố trí nguồn lực thực hiện chính sách đối với người có uy tín.* Kinh phí thực hiện chính sách trong giai đoạn từ năm 2011-2022 là 3.780 triệu đồng (bao gồm cả nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương phân bổ và kinh phí từ ngân sách địa phương). Tỉnh Quảng Bình đã triển khai thực hiện các nội dung: thăm hỏi, tiếp đón, tặng quà cho gần 2.000 lượt người có uy tín; tổ chức 30 lớp tập huấn, bồi dưỡng và hội nghị cung cấp thông tin cho hơn 1.400 lượt; cấp phát hơn 267.000 tờ báo Báo Quảng Bình, hơn 89.000 tờ Báo Dân tộc và Phát triển; cấp phát 212 chiếc radio; tổ chức 11 đoàn (với hơn 200 lượt) người có uy tín thăm quan học tập kinh nghiệm các tỉnh bạn; thực hiện công tác biểu dương, khen thưởng cho 125 lượt người có uy tín trong các phong trào thi đua yêu nước.

- *Phát huy vai trò của người có uy tín trên các lĩnh vực của đời sống xã hội:* Trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: đội ngũ NCUT đã phát huy tích cực và có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào chủ động phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nhiều hộ đã vươn lên làm giàu; bài trừ hủ tục lạc hậu (tục nối dây, nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bạo lực gia đình, các hủ tục trong nghi lễ tang ma, cưới hỏi...), tích cực thực hiện cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, nếp sống mới.

Trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đội ngũ NCUT đã tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng sưu tầm, phục dựng và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc như các loại hình lễ hội truyền thống, văn nghệ dân gian, nghề thủ công của đồng bào .. từng bước được sưu tầm, khôi phục. Đến nay, Lễ hội Đập trồng của người Ma Coong, Lễ hội tria lúa, Lễ hội Lễ hội mừng cơm mới của dân tộc Bru – Vân Kiều được phục dựng, bảo tồn và đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới: NCUT trên địa bàn tuy đa số tuổi cao, sức yếu không còn trực tiếp lao động sản xuất, nhưng có vai trò quan trọng trong việc vận động con cháu tích cực, hăng say lao động sản xuất; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn vệ sinh môi trường; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào DTTS; vận động nhân dân ổn định cuộc sống, định canh định cư, ứng dụng khoa học vào sản xuất để nâng cao chất lượng và hiệu quả, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội hộ gia đình nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung.

Trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và khối đại đoàn kết dân tộc: NCUT đã có những đóng góp tích cực trên lĩnh vực tham gia và vận động nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị, chính quyền ở cơ sở. Trong

những năm qua, thành phần NCUT trên địa bàn đã đa dạng do đó số lượng NCUT nguyên là cán bộ cơ sở nghỉ hưu, hưu trí đã chủ động, tích cực phát huy vai trò của mình để hỗ trợ cho cán bộ, đảng viên trẻ những kinh nghiệm về công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, về xây dựng chính quyền vững mạnh, kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Từ đó, đã thu được những kết quả nhất định, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trong công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới và trật tự an toàn xã hội: NCUT đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng Bộ đội Biên phòng để nắm tình hình địa bàn, phối hợp vận động bà con đồng bào dân tộc thiểu số bảo vệ đường biên, cột mốc trên tuyến biên giới; phối hợp với các tổ chức đoàn thể tại cơ sở để giải quyết kịp thời những vướng mắc, các vụ tranh chấp ở cơ sở.

Có thể khẳng định, người có uy tín là lực lượng nòng cốt hết sức quan trọng có ảnh hưởng rất lớn trong đồng bào dân tộc trên tất cả các lĩnh vực về đời sống, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, trở thành chỗ dựa vững chắc cho đồng bào, là cầu nối quan trọng gắn kết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân... Từ việc thực hiện có hiệu quả các nội dung của chính sách, trong những năm qua tỉnh Quảng Bình đã xây dựng và phát huy được vai trò của đội ngũ NCUT trong đồng bào dân tộc thiểu số, là hạt nhân nòng cốt đưa các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến thôn, bản, từng hộ gia đình, tích cực đi đầu trong các phong trào thi đua tại cơ sở, giúp cấp ủy, chính quyền giải quyết tốt các vướng mắc, bức xúc trong đồng bào thiểu số, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, góp phần ổn định an ninh trật tự tại địa phương.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cũng còn những hạn chế nhất định: Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức trong phát huy vai trò của người có uy tín; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tranh thủ vai trò người có uy tín hiệu quả chưa cao; địa bàn vùng dân tộc thiểu số rộng, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn nên việc tuyên truyền và nắm bắt thông tin của người có uy tín đối với cơ sở cũng khó khăn; kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho người có uy tín còn hạn chế; một số NCUT chưa phát huy hết vai trò của bản thân, công tác tuyên truyền, vận động hiệu quả chưa cao bởi nhiều lý do khác nhau (trình độ học vấn thấp, tuổi cao, sức khoẻ hạn chế ....).

### **3. Bài học kinh nghiệm trong phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số**

Để tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, qua thực tiễn thực hiện chính sách Ban Dân tộc Quảng Bình rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

*Một là*, công tác bầu chọn NCUT phải đảm đúng tiêu chí quy định, người được lựa chọn phải là tấm gương sáng trong cộng đồng, được người dân tín nhiệm và giới thiệu.

*Hai là*, các cấp ngành và chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ trong công tác thực hiện chính sách và công tác cung cấp thông tin, tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước đến từng cá nhân người có uy tín. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trong truyền truyền, vận động để NCUT thực hiện có hiệu quả công vận động bà con chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế nhằm thoát nghèo bền vững.

*Ba là*, tổ chức hội thi tìm hiểu chính sách pháp luật; tọa đàm, sinh hoạt cụm để NCUT được trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự tại địa bàn. Đồng thời, bày tỏ tâm tư nguyện vọng của bản thân đối với công tác thực hiện chính sách.

*Bốn là*, tổ chức chính trị - xã hội nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò, tầm ảnh hưởng của NCUT trong cộng đồng. NCUT là trung tâm của sự đoàn kết, là cá nhân tiêu biểu có sức ảnh hưởng lớn trong công tác vận động bà con tăng gia phát triển sản xuất, giữ gìn an ninh – quốc phòng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS trên địa bàn.

*Năm là*, thường xuyên gặp gỡ, động viên tinh thần và vận động NCUT tích cực phát huy vai trò trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tranh thủ tối đa khả năng, năng lực và uy tín của họ trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách ở cơ sở.

*Sáu là*, Quan tâm thực hiện tốt các chế độ chính sách, khen thưởng kịp thời những người có uy tín có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực, nhằm động viên người có uy tín đóng góp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Một số kinh nghiệm trong việc thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù; những thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện**

*Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai*

Đặc điểm tình hình chung tỉnh Gia Lai

Gia Lai là một tỉnh miền núi nằm ở phía bắc Tây Nguyên trên độ cao trung bình 700 - 800 mét so với mực nước biển. Phía đông của tỉnh giáp với các tỉnh là Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Phía tây giáp tỉnh Ratanakiri thuộc Campuchia, có đường biên giới chạy dài khoảng 90 km. Phía nam giáp tỉnh Đắk Lắk, và phía phía bắc của tỉnh giáp tỉnh Kon Tum. Gia Lai thuộc vùng khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa. Khí hậu ở đây được chia làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Trong đó, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm là 22 - 25°C. Vùng Đông Trường Sơn từ 1.200 – 1.750 mm, Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình năm từ 2.200 – 2.500 mm. Khí hậu và thổ nhưỡng Gia Lai rất thích hợp cho việc phát triển nhiều loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày, chăn nuôi và kinh doanh tổng hợp nông lâm nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Tổng diện tích tự nhiên là 15.510,13 km<sup>2</sup>, phần lớn đất đai màu mỡ, giàu chất dinh dưỡng, đất có tầng dày canh tác rất phù hợp với phát triển cây trồng mà đặc biệt là cây công nghiệp lâu ngày. Các vùng thung lũng và khu vực đất bằng có nhiều sông suối chảy qua, thuận lợi cho việc mở rộng diện tích sản xuất đất nông nghiệp và phát triển nuôi trồng thủy sản.

Gia Lai có tổng trữ lượng khoảng 23 tỉ m<sup>3</sup>, phân bố trên hệ thống các con sông lớn như: sông Sê San, sông Ba, sông Srê Pook. Tiềm năng nước ngầm có trữ lượng khá lớn, chất lượng tốt, phân bố chủ yếu trong phức hệ nước phun trào bazan có tổng trữ lượng cấp A+B là 23.894m<sup>3</sup>/ngày, cấp C1/là 61.065 m<sup>3</sup>/ngày và cấp C2 là 989.600 m<sup>3</sup>/ngày, cùng với hệ thống nước bề mặt đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân trong địa bàn tỉnh.

Diện tích đất lâm nghiệp là 728.279,30 ha, chiếm 46,87% tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Do trải rộng trên nhiều vùng khí hậu nên các hệ sinh thái rừng Gia Lai phong phú. Hệ động thực vật phong phú và đa dạng cả về giống, loài và số lượng các thể có giá trị. Đặc biệt, có nhiều loài thú quý hiếm.

Tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn thực hiện Chương trình:

Gia Lai có 17 đơn vị hành chính cấp huyện (14 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố) với 220 đơn vị hành chính cấp xã (182 xã, 24 phường, 14 thị trấn);

có 1.576 thôn, làng, buôn, bôn, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn). Hiện nay, có 176/220 xã, phường, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm: 104 xã, phường, thị trấn khu vực I (89 thôn đặc biệt khó khăn), 29 xã khu vực II (105 thôn đặc biệt khó khăn), 43 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn); 09 thôn đặc biệt khó khăn thuộc 03 xã không phân định khu vực. Dân số trung bình toàn tỉnh là 1.541.437 người, với 44 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 712.452 người, với 154.226 hộ, chiếm 46,22% dân số toàn tỉnh.

Nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2015-2020 còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu nên nhìn chung kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chậm phát triển so với mặt bằng chung của tỉnh, đời sống của người dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn (thu nhập bình quân thấp 1,37 triệu đồng/người/tháng), số hộ nghèo, cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (*Năm 2020, tổng số hộ nghèo của tỉnh là 19.958 hộ, chiếm 5,38% tổng số hộ dân trên địa bàn tỉnh, trong đó số hộ nghèo đồng bào DTTS 17.178 hộ, chiếm tỉ lệ 86,07% trong tổng số hộ nghèo. Số hộ cận nghèo là 36.004 hộ, chiếm 9,70% tổng số hộ dân trên địa bàn tỉnh, trong đó hộ cận nghèo DTTS là 28.815 hộ, chiếm 80,03% tổng số hộ cận nghèo*). Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội và dân sinh chưa được đầu tư đồng bộ: nhiều tuyến đường đã hư hỏng, xuống cấp, giao thông đi lại còn khó khăn, chưa có tính liên kết vùng và khu vực; hệ thống thủy lợi, mạng lưới tưới tiêu còn yếu kém, ứng dụng khoa học công nghệ cho sản xuất chưa được chú trọng; cơ sở vật chất y tế và trường, lớp học ở một số địa phương còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt vẫn còn xảy ra, cuộc sống của người đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh du cư, chưa ổn định, hạn hán, bão lũ xảy ra hàng năm đã ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân.

Lĩnh vực ngành giáo dục, y tế, văn hóa vẫn còn một số hạn chế như: tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi còn thấp ở bậc trung học phổ thông, người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông còn khá cao; chất lượng dịch vụ y tế ở tuyến cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu; trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đồng bộ; nhiều dịch bệnh chưa được đẩy lùi; một bộ phận bà mẹ mang thai thiếu kiến thức về sinh con; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn cao; mức thụ hưởng văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của một số dân tộc thiểu số đang bị mai một; tập tục lạc hậu còn tồn tại ở một số địa phương.

Triển khai thực hiện Chương trình:

Công tác chỉ đạo, quản lý thực hiện Chương trình

Việc tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình: thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 đã được thành lập từ cấp tỉnh đến cấp xã; xây dựng và ban hành quy chế thực hiện, phân công phân

nhiệm, phối hợp thực hiện Chương trình ban hành Quy chế hoạt động của BCD tại từ cấp tỉnh đến cấp xã; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trong đó phân công nhiệm vụ các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trong chỉ đạo và phối hợp triển khai thực hiện các Nội dung, Tiểu dự án, Dự án thuộc Chương trình.

Công tác huy động, quản lý và sử dụng vốn của Chương trình:

Việc xây dựng và phân bổ kinh phí Chương trình hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025: HĐND đã ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; các Nghị quyết giao vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh về việc giao kế hoạch vốn ĐTPT từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.

Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình, Tỉnh đã thực hiện bố trí đối ứng theo quy định tại Quyết định 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Công tác lồng ghép nguồn vốn các Chương trình: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết quy định về Cơ chế lồng ghép vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai bao gồm 10 dự án, 12 tiểu dự án, 13 nội dung. Trong các dự án tỉnh Gia Lai triển khai hiệu quả nhất là dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù:

Kết quả thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN); ưu tiên đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Kinh phí được phân bổ năm 2022: 160.722 triệu đồng, trong đó NSTW là 157.952 triệu đồng (*Vốn ĐTPT: 149.895 triệu đồng, Vốn SN: 8.057 triệu đồng*); NSDP: 2.770 triệu đồng (*Vốn ĐT: 70 triệu đồng (TX An Khê)*),



*Vốn SN: 2.700 triệu đồng*). Kết quả giải ngân 109.270 triệu đồng (*Vốn ĐTPT: 103.944 triệu đồng, Vốn SN: 5.326 triệu đồng*), đạt 67,99% kế hoạch, cụ thể:

Đầu tư xây dựng các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp đạt chuẩn, các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất; Đầu tư cứng hoá đường liên xã. Kinh phí đầu tư được phân bổ 145.965 triệu đồng (trong đó: NSTW 145.895 triệu đồng, NSDP 70 triệu đồng) cho 42 xã ĐBKK và 192 thôn, làng đặc biệt khó khăn (ĐBKK). Đến nay, đã đầu tư xây dựng được 145 công trình trong đó đã hoàn thành với 50.861m đường giao thông nội làng và xã ĐBKK và 15.467m đường liên xã, giải ngân được 101.978 triệu đồng, đạt 67% kế hoạch.

Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng: Kinh phí được phân bổ (vốn sự nghiệp) 10.757 triệu đồng (trong đó, NSTW: 8.057 triệu đồng, NSDP: 2.700 triệu đồng). Đã triển khai thực hiện được 52 công trình, giải ngân được 5.326 triệu đồng, đạt 49,51% kế hoạch.

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN: Kinh phí được phân bổ (vốn đầu tư NSTW) 4.000 triệu đồng, đã đầu tư 01 chợ, giải ngân 1.966 triệu đồng đạt 49,16% kế hoạch.

Những thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện

Thuận lợi:

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai kịp thời và giao nhiệm vụ cho các ngành, các cấp đảm trách từng công việc cụ thể. Các địa phương coi việc thực hiện Chương trình là một nhiệm vụ trọng tâm của cấp uỷ và chính quyền.

Kế thừa kinh nghiệm triển khai Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

Năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ thực hiện và sự chủ động của các đơn vị được giao làm chủ đầu tư trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

Sự đồng thuận của nhân dân trong vùng thực hiện chương trình.

Khó khăn: Bên cạnh những thuận lợi, trong quá trình thực hiện cũng gặp khó khăn:

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, là năm đầu tiên triển khai thực hiện Chương trình với nhiều nội dung. Văn bản hướng dẫn của Trung ương và các Bộ, ngành ban hành chậm; một số văn bản thiếu tính kế thừa, một số nội dung chưa quy định rõ, hướng dẫn chưa phù hợp, khó thực hiện.

Một số xã các cán bộ phụ trách chương trình còn hạn chế nên triển khai đến các thôn, làng còn chậm, công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân thực hiện Chương trình còn hạn chế vì thời điểm triển khai vốn chưa có quy định tập huấn (7/2022). Về việc thực hiện cơ chế đặc thù trong đầu tư xây dựng cơ

bản theo Nghị định 27/2022/NĐ-CP còn nhiều vướng mắc cho các xã làm chủ đầu tư.

Người dân chưa thấy vai trò của mình trong việc tham gia lựa chọn, đến giám sát và quản lý sử dụng công trình.

Giải pháp:

- Tập trung chỉ đạo của các cấp, các ngành.

- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cũng như của chính quyền các cấp đối với người dân, đối với các thôn, xã nghèo bằng việc tập trung các nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn, xã ĐBKK giúp các thôn, xã dần hoàn thiện điều kiện cơ sở hạ tầng nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Đón nhận sự quan tâm đó, người dân thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đồng thuận cùng vượt khó vươn lên.

- Sự đồng thuận của nhân dân trong vùng thực hiện chương trình, từ đó lãnh đạo các xã ĐBKK, thôn ĐBKK được thụ hưởng Chương trình dự án đã chuẩn bị kế hoạch, đưa ra các hạng mục công trình sẽ được triển khai, họp dân lấy ý kiến ưu tiên các công trình đầu tư trước, các phòng, ban ở huyện giúp UBND các xã chuẩn bị thủ tục đầu tư trước trong lúc chờ đợi trung ương ban hành các văn bản.

- Sau khi có văn bản chỉ đạo của trung ương UBND các xã chỉ áp dụng vào là có thể triển khai không mất thời gian, trừ những thời gian yêu cầu theo quy định như đấu thầu cộng đồng, kiểm tra thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng...

Với những thuận lợi và giải pháp nêu trên mà Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN đạt kết tốt trong năm đầu thực hiện Chương trình./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kinh nghiệm trong việc thực hiện Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù; thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện Chương trình**

*Ban Dân tộc tỉnh Bình Định*

Kính thưa đồng chí Hậu A Lệnh, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Chủ trì hội nghị,

Kính thưa các vị đại biểu và các vị khách mời tham dự hội nghị!

Tại hội nghị này, tôi xin đăng ký thảo luận nội dung như sau:

“Kinh nghiệm trong việc thực hiện Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù; thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện Chương trình”.

### 1. Tình hình chung

- Bình Định là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ, phía Bắc giáp Quảng Ngãi, phía Nam giáp Phú Yên, phía Tây giáp Gia Lai, phía Đông giáp Biển Đông, có diện tích tự nhiên 6.066,4km<sup>2</sup>. Toàn tỉnh có 8 huyện, 2 thị xã và 1 thành phố với 159 xã, phường, thị trấn; có 440.590 hộ/1.580.419 người (Theo số liệu điều tra hộ nghèo cuối năm 2022); tỷ lệ nghèo đa chiều 9,04% với 39.827 hộ (trong đó: Tổng số hộ nghèo: 19.805 hộ, chiếm tỷ lệ 4,5% và tổng số hộ cận nghèo: 20.022 hộ, chiếm tỷ lệ 4,54%).

- Đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh sinh sống ở 33 xã, thị trấn thuộc 6 huyện; diện tích tự nhiên chiếm 48,4% so diện tích tự nhiên của tỉnh. Có 39 dân tộc thiểu số, đến cuối năm 2022 có 11.491 hộ/41.903 người, chiếm khoảng 2,65% dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, Bana, H'rê. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (so với số hộ đồng bào DTTS) cuối năm 2022 là 6.291 hộ, chiếm 54,75% so với cuối năm 2021 đã giảm được 592 hộ (năm 2021 có 6.883 hộ); trên địa bàn tỉnh có 22 xã đặc biệt khó khăn (xã thuộc khu vực III) 10 thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và 07 thôn đặc biệt khó khăn 11 của 05 xã, thị trấn không thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

---

<sup>10</sup> Huyện An Lão có 08 xã, thị trấn: An Trung, An Hưng, An Dũng, An Vinh, An Quang, An Nghĩa, An Toàn và thị trấn An Lão; Huyện Vĩnh Thạnh có 05 xã, gồm: Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa và Vĩnh Thuận; Huyện Vân Canh có 05 xã, thị trấn: Canh Liên, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Hiệp và thị trấn Vân Canh; Huyện Hoài Ân có 03 xã, gồm: Đăk Mang, Bok Tới và Ân Sơn; Huyện Tây Sơn có 01 xã ĐBKK là Vĩnh An.

11 Huyện Vĩnh Thạnh (Xã Vĩnh Hảo có 01 thôn ĐBKK: Tà Điệt; Xã Vĩnh Thịnh có 02 thôn ĐBKK: M2 và M3; Thị trấn Vĩnh Thạnh có 02 khu phố ĐBKK: Kon Kring và Klot Pok); Huyện Tây Sơn (Xã Tây Xuân có 01 thôn ĐBKK: Đồng Sim); Huyện An Lão (Xã An Tân có 01 thôn ĐBKK: Gò Đôn).

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) là một trong 3 Chương trình mục tiêu quốc gia đang được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

Đến nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn của hầu hết các dự án thuộc Chương trình đã được cấp có thẩm quyền giao cho các địa phương đầy đủ, kịp thời; các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai tích cực, ưu tiên nguồn lực cho công tác giảm nghèo và xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

\* Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho Bình Định thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025: 458,743 tỷ đồng; dự kiến kinh phí thực hiện cho Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng (Tiểu dự án 1 của Dự án 4) khoản 255,954 tỷ đồng.

\* Kế hoạch vốn được giao thực hiện Chương trình năm 2022

- Kế hoạch vốn NSTW, NSDP năm 2022 cho các dự án thuộc Chương trình: 158,056 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 95,116 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 62,940 tỷ đồng); trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 147,056 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 84,116 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 62,940 tỷ đồng);

+ Ngân sách tỉnh: Vốn đầu tư phát triển 11 tỷ đồng.

- Kết quả giải ngân vốn thực hiện Chương trình: 69,256 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 47,09% so với kế hoạch vốn trung ương giao); trong đó vốn đầu tư phát triển: 33,724 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 35,532 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương.

Riêng nguồn vốn tín dụng ưu đãi: 37,5 tỷ đồng. Đến nay đã giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

\* Kế hoạch vốn được giao thực hiện Chương trình năm 2023

- Kế hoạch vốn NSTW năm 2023 cho các dự án thuộc Chương trình: 254,833 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 116,056 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 138,377 tỷ đồng);

- Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2023 cho các dự án thuộc Chương trình: 32,994 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 14,394 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 18,6 tỷ đồng).

2. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện Dự án cơ sở hạ tầng áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng tại địa phương

Kính thưa Hội nghị!

Vừa qua UBND tỉnh đã giao cho Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương đề xuất tham mưu danh mục loại dự án được áp

dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Danh mục công trình trên địa bàn thôn, xã được áp dụng cơ chế đặc thù gồm: (1) Công trình giao thông (Đường xã, đường thôn, đường giao thông ngõ, xóm, đường giao thông nội đồng); (2) Công trình kênh mương thủy lợi;

- Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù: Đối với các huyện miền núi tối thiểu là 10% và các huyện đồng bằng tối thiểu 20% tổng số dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện;

- Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025;

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 5316/BXD-GĐ ngày 22/11/2022, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện, tham mưu đề xuất triển khai các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định.

Kính thưa Hội nghị!

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thực hiện theo cơ chế đặc thù chương trình mục tiêu quốc gia, địa phương có thể áp dụng tổ chức thực hiện như sau:

\* Về lập hồ sơ xây dựng

- Các dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản thay cho báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Ban quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ xây dựng công trình gửi Ủy ban nhân dân xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp Ủy ban nhân dân xã giao cho thôn thực hiện công trình, Ban quản lý cấp thôn (hoặc các tổ chức tương đương được Ủy ban nhân dân xã công nhận) có trách nhiệm lập hồ sơ xây dựng công trình gửi Ủy ban nhân dân xã thẩm định và phê duyệt.

\* Về lựa chọn nhà thầu

- Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bởi cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện của cộng đồng;

- Nghị định quy định tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu. Cụ thể, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương được coi là có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện các gói thầu quy định tại Điều 27 của Luật Đấu thầu khi người dân

thuộc cộng đồng dân cư hoặc tổ, nhóm thợ, tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu;

- Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng;

- Căn cứ hồ sơ xây dựng công trình được duyệt, kết quả lựa chọn đơn vị thi công và kế hoạch giao vốn chi tiết cho dự án, ban quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng với đại diện của cộng đồng, tổ chức được giao để tổ chức thi công;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với công trình do Ủy ban nhân dân xã thực hiện) và xã (đối với công trình do thôn thực hiện) có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công; Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình;

- Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công trình, thành phần gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã; đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công; các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân xã quyết định.

### 3. Thuận lợi, khó khăn vướng mắc

Kính thưa Hội nghị!

#### 3.1. Về thuận lợi

Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) trong những năm qua đã từng bước phát triển; kết cấu hạ tầng vùng đồng bào DTTS&MN từng bước được hoàn thiện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội từng khu vực.

Đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS cuối năm 2022 đã giảm 592 hộ so với năm 2021; các thiết chế văn hoá ở cơ sở được quan tâm xây dựng, nhiều thôn, làng và gia đình người DTTS được công nhận là đơn vị văn hoá và gia đình văn hoá; những giá trị và bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn, phát triển. Công tác y tế chăm sóc sức khoẻ đã đạt được những thành tựu quan trọng; đồng bào các dân tộc được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cơ bản. Mạng lưới thông tin, văn hóa, thể thao vùng đồng bào DTTS có sự phát triển nhanh, góp phần cải thiện đáng kể đời sống tinh thần của đồng bào.

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm, chăm lo phát triển. Cơ sở vật chất trường, lớp học được đầu tư ngày càng khang trang; chế độ chính sách cho người dạy và người học được chú trọng. Nhờ đó, chất lượng giáo dục vùng DTTS&MN được nâng lên.

Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao, an sinh xã hội đảm bảo đã củng cố niềm tin của đồng bào DTTS đối với Đảng và Nhà nước; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS&MN được đảm bảo, thế trận quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường.

### 3.2. Về khó khăn, vướng mắc

Tuy vậy, việc thực hiện Chương trình vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa tương xứng với sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương và sự kỳ vọng của nhân dân. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của một số địa phương vẫn chưa thực sự đi vào chiều sâu theo mục tiêu Chương trình đã đề ra, có nơi vẫn còn thụ động trong triển khai, thực hiện, dẫn đến một số mặt, nội dung trong công tác giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm và đào tạo nghề vẫn còn hạn chế;

Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh vẫn ở mức cao chiếm 9,04%; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh vẫn bằng 30,24% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Do vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh chủ yếu là đồi núi, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển kém, điểm xuất phát thấp, biến đổi khí hậu,... Nguy cơ tái nghèo còn cao, kết quả giảm nghèo chưa bền vững. Nên rất cần nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương;

Vốn đầu tư phát triển của Chương trình còn thấp, nhất là vốn để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng. Trong khi đó nguồn lực của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp còn thấp nên càng về sau Chương trình càng khó khăn hơn; cơ sở hạ tầng, giao thông - thủy lợi, văn hoá, trường học chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, thiên tai, dịch bệnh trong thời gian qua đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến các ngành, lĩnh vực, đời sống nhân dân;

Về khó khăn, bất cập trong việc thực hiện Chương trình năm 2022:

- Năm 2022 trung ương phân bổ nguồn vốn muợn (tháng 6 năm 2022) và địa phương phải thực hiện các thủ tục phân bổ vốn theo quy trình, trình HĐND tỉnh nên việc triển khai, thực hiện các nguồn vốn gặp khó khăn;

- Trung ương chưa thông báo mức vốn sự nghiệp cả giai đoạn 2021-2025 nên địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng các danh mục nội dung dự án sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình, nhất là việc lựa chọn, xác định quy mô các dự án về hỗ trợ phát triển sản xuất thực chuỗi liên kết cần thực hiện từ 2-3 năm;

- Một số Dự án được trung ương cấp vốn đồng thời cấp mã nguồn ngân sách Dự án (vốn sự nghiệp), có Dự án tỉnh không có đối tượng triển khai nhưng không điều chuyển sang nội dung Dự án khác do khác mã nguồn ngân sách (Cụ thể Dự án 09);

- Đối với Dự án 6:

+ Theo Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Tại khoản 15 mục II “Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số” thì phải áp dụng quy trình thực hiện 14 bước, trong đó có 02 bước (bước 6 và bước 8) phải trình Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định, nên sẽ gây khó khăn và mất rất nhiều cho địa phương thực hiện đối với nội dung này;

+ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện trong năm (Công văn số 2651/BVHTTDL-KHTC ngày 19/7/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch). Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể được giao, các địa phương không thể chủ động lựa chọn danh mục đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tiễn, nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Các địa phương không triển khai thực hiện được nội dung này, vì đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ có thu hồi vốn và không được hưởng các chính sách khác của Chương trình;

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN, phân vốn đầu tư phát triển, trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể, nên các địa phương không có cơ sở triển khai thực hiện.

#### 4. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị các bộ, ngành Trung ương:

- Ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023;

- Sớm ban hành các văn bản tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn triển khai đảm bảo các nhu cầu của nhân dân một cách thuận lợi thông qua chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông hỗ trợ giúp đỡ người dân, hộ, nhóm hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn;

- Đối với Dự án 1: Kinh phí đầu tư của Trung ương cấp cho Bình Định rất thấp (cả giai đoạn 2021-2025 khoản 13,985 tỷ đồng), trong khi đó nhu cầu thực tế cần hỗ trợ rất nhiều, cụ thể: Đất ở: 1.311 hộ; Nhà ở: 1.638 hộ; Đất sản



xuất: 676 hộ; Công trình nước sinh hoạt tập trung: 34 công trình. Do đó, đề nghị UBND cho rà soát, bổ sung kinh phí cho tỉnh;

- Hướng dẫn và công nhận thôn không thuộc thôn đặc biệt khó khăn nhưng đáp ứng đủ tiêu chí 15% hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ban Dân tộc đã có Công văn số 125/BDT-CS ngày 17/3/2023 về việc đề nghị công nhận thôn, xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi đối với thôn, xã không thuộc địa bàn ĐBKK nhưng đáp ứng đủ tiêu chí 15% hộ đồng bào DTTS sinh sống theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) đề nghị UBND có văn bản hướng dẫn cụ thể;

- Đối với tiểu dự án 1 của Dự án 3: Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 - 2025;

- Đối với Dự án 4: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định nhiều trạm y tế đã xuống cấp trầm trọng và các tuyến đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã đã bị hư hỏng nặng (bề mặt bê tông không còn nữa), bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 03 làng (làng O2, xã Vĩnh Kim của huyện Vĩnh Thạnh; Canh Tiến, xã Canh Liên và Canh Giao, xã Canh Hiệp của huyện Vân Canh) vẫn chưa có điện lưới quốc gia. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc kiến nghị bổ sung kinh phí cho các dự án này;

- Đối với Tiểu dự án 4, Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. Hiện nay, chưa triển khai thực hiện được, vì trung ương chưa ban hành nội dung tài liệu đào tạo. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành nội dung tài liệu đào tạo để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện;

- Đối với Dự án 6: Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

+ Nội dung “Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số” đề nghị rút ngắn quy trình thực hiện; đồng thời giao cho UBND cấp tỉnh thẩm định nội dung này, để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện;

+ Không giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện hằng năm, để cho địa phương được chủ động lựa chọn nội dung đầu tư đảm bảo với nội dung của Dự án và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Đề nghị trung ương xem xét điều chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp cấp năm 2022 và năm 2023 sang thực hiện nội dung khác phù hợp với điều kiện của địa phương, vì Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 trên địa bàn tỉnh không thực hiện được (Ban Dân tộc đã có Công văn số 145/BDT-CS ngày 23/3/2023 về việc đề nghị điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định);

- Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN, phân vốn đầu tư phát triển. Đề nghị trung ương sớm hướng dẫn cụ thể để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

### 5. Một số giải pháp thực hiện

Mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2021 - 2025 là tập trung mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là người có công với nước, người nghèo, đồng bào DTTS&MN, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp trong giai đoạn 2021 - 2025, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kính thưa Hội nghị!

Mục tiêu cụ thể Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh: Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020 (khoảng 60 triệu đồng/người/năm); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 3-4%; phần đầu 40 - 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (khoảng 10 xã và 4 thôn). Sau đây tôi xin nêu một số giải pháp cụ thể:

1. Đề nghị cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của cán bộ, Đảng viên và người dân hiểu đầy đủ về bản chất nhân văn Chương trình;

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra quyết liệt của các cấp, các ngành, đặc biệt là giao nhiệm vụ cụ thể, nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình nhằm mang lại hiệu quả cao nhất;

3. Nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với công tác phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy

truyền thống nhân văn: “Thương người như thể thương thân”, “đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình”, giúp đỡ lẫn nhau, “lá lành đùm lá rách” trong khó khăn, hoạn nạn. Tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”.

Trên đây là Báo cáo tham luận của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định tại Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực hiện Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo cơ chế đặc thù. Trân trọng cảm ơn Chủ trì Hội nghị và quý vị đại biểu đã lắng nghe. Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, quý vị khách quý, quý vị đại biểu tham dự dồi dào sức khỏe, hạnh phúc. Kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin chân thành cảm ơn!

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Giải pháp trong thực hiện chính sách và tuyên truyền giảm thiểu**  
**tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong**  
**vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

*Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh*

Kính thưa chủ trì Hội nghị!

Kính thưa các đồng chí đại biểu tham dự Hội nghị!

Tây Ninh là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, có đường biên giới giáp Campuchia dài 240 km, tiếp giáp 3 tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia, có 03 cửa khẩu quốc tế (Mộc Bài, Xa Mát và Tân Nam), 03 cửa khẩu chính và 11 cửa khẩu phụ; diện tích tự nhiên 4.041,25 km<sup>2</sup> với 06 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố trực thuộc tỉnh, 94 xã, phường, thị trấn (có 20 xã biên giới thuộc 05 huyện, thị), 540 ấp, khu phố.

Dân số toàn tỉnh gần 1,2 triệu người; có 21 dân tộc thiểu số với hơn 5.551 hộ và 20.415 khẩu, chiếm 1,73% dân số toàn tỉnh, sống tập trung chủ yếu ở các huyện biên giới (Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành), một số ít trong nội địa (Thị xã Hoà Thành, Thành phố Tây Ninh); nhiều nhất là dân tộc Khmer khoảng 2.393 hộ/9.229 khẩu (chiếm 0,78%), dân tộc Chăm khoảng 1.083 hộ/4.451 nhân khẩu (chiếm 0,38%), dân tộc Hoa khoảng 920 hộ/3.112 nhân khẩu (chiếm 0,26%), người Tà Mun có 568 hộ/1.750 nhân khẩu (chiếm 0,15%) và các DTTS khác chiếm khoảng 0,16%.

Giai đoạn I: 2022 - 2025: Tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện 07/10 Dự án thành phần của Chương trình MTQG Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS (không triển khai thực hiện 03/10 dự án gồm: Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo Chuỗi giá trị và Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em do trên địa bàn tỉnh không có đối tượng thụ hưởng cũng như không có xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã Khu vực II, xã Khu vực III được phê duyệt theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

Kính thưa Hội nghị!

Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Trung ương, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành những chính sách giúp cho đời sống của đồng bào DTTS, từng bước phát triển, bộ mặt xã hội khởi sắc, đời sống của đồng bào DTTS có chuyển biến tích cực trên các tất cả các mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, một số dân tộc vẫn còn giữ những phong tục, tập quán lạc hậu, điển hình là tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn còn diễn ra tại một số nơi trên địa bàn tỉnh. Theo Kết quả

tổng điều tra Kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2019, Tây Ninh có tỷ lệ hôn nhân cận huyết trong đồng bào dân tộc thiểu số là 0,1%, tỷ lệ tảo hôn trong đồng bào dân tộc thiểu số là 26,89%.

Trong những năm qua công tác tuyên truyền, vận động, có các giải pháp ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết rất được tỉnh Tây Ninh quan tâm, năm 2021 tỉnh tiếp tục thực hiện giai đoạn 2, Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS, giai đoạn 2015-2025”. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 475/KH-UBND ngày 22/02/2021 và kiện toàn lại Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Từ năm 2022, thực hiện Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025, Tây Ninh đã triển khai Kế hoạch thực hiện Tiểu Dự án 2 - Dự án 9 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh. Với tổng nguồn vốn sự nghiệp được phân bổ năm 2022-2023 là 1.659.000.000 đồng giao cho Sở Nội vụ thực hiện. Mục tiêu, đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS xuống 1,5%.

Sở Nội vụ đã phối hợp cùng Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh tổ chức 02 buổi tọa đàm phát sóng trực tiếp và 06 buổi tọa đàm ghi hình phát sau tại địa bàn các xã có đông đồng bào DTTS với nội dung tuyên truyền về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết với từng chủ đề khác nhau, đến đồng bào DTTS và học sinh trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh qua hệ thống cơ sở hạ tầng của Đài Phát thanh Truyền hình Tây Ninh như: trên sóng truyền hình, truyền thanh, website TTV11.com.vn, Youtube, Facebook, Zalo, Instagram, Pinterest, Tây Ninh Smart...qua đó, đã truyền tải đầy đủ thông tin đến đồng bào DTTS, nhằm kéo giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo tỷ lệ giải ngân đến 31/12/2022 đạt 100% kế hoạch.

Năm 2023, Sở Nội vụ tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện Tiểu Dự án 2 của Dự án 9 trong Chương trình Mục tiêu quốc gia với tổng kinh phí thực hiện là 1.450 triệu đồng. Trên cơ sở đó Sở Nội vụ phối hợp với 03 đơn vị: Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh; Báo Tây Ninh và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tiếp tục thực hiện việc tuyên truyền các nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Ngoài việc tổ chức các buổi tọa đàm với các chuyên gia, lãnh đạo tỉnh nhằm giải đáp trực tiếp các thắc mắc của đồng bào dân tộc thiểu số kết hợp ghi hình phát sau trên các nền tảng hạ tầng của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, đồng thời sẽ kết hợp tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử của Báo Tây Ninh, tuyên truyền trực tiếp cho các đối tượng Hội viên Hội Phụ nữ và thanh niên, học sinh.

Mặc dù đời sống của đồng bào DTTS có chuyển biến tích cực trên tất cả các mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên một số dân tộc vẫn còn giữ những phong tục, tập quán lạc hậu, trình độ dân trí thấp,

đã khiến cho tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn còn tồn tại. Việc thực hiện các nhiệm vụ, nội dung cụ thể đặt ra tại tiểu dự án 2, dự án 9 - Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN tại Tây ninh, được các cấp chính quyền kỳ vọng là giải pháp mang tính toàn diện nhằm đổi thay nhận thức, suy nghĩ và thu hút được sự chung tay của hệ thống chính trị và cộng đồng xã hội. Để đẩy lùi nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết đạt hiệu quả, tỉnh Tây Ninh tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Cần có sự chung tay của các cấp, các ngành, cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân để hoàn thành mục tiêu giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Trong đó, có vai trò của Già làng, người có uy tín, các cán bộ cơ sở... trong vùng đồng bào DTTS rất quan trọng và là nhân tố chính để thực hiện công tác tuyên truyền.

Thứ hai: Các địa phương và ngành giáo dục, ngành y tế tăng cường, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật có liên quan đến hôn nhân gia đình, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cũng như chỉ ra những hệ lụy do vấn nạn này gây ra. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, đưa nội dung phòng tránh việc có thai ngoài ý muốn trong các chương trình ngoại khóa tại các trường THCS, THPT cũng như trong cộng đồng dân cư, nhất là trong các buổi tuyên truyền của các hội đoàn thể: đoàn thanh niên, phụ nữ ....

Thứ ba: Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ tuyên truyền viên, các ban ngành của xã, cộng tác viên dân số ở cơ sở...

Thứ Tư: Thực hiện nghiêm công tác xử phạt hành chính theo pháp luật và công tác kỷ luật đảng viên theo quy định của Đảng để răn đe các trường hợp vi phạm, nêu gương cho cộng đồng, bởi trên thực tế, vì nhiều lý do, chính quyền ở cơ sở vẫn còn phớt lờ hoặc dễ dãi với người vi phạm nên đã tạo ra tâm lý xem nhẹ pháp luật trong một bộ phận người dân.

Thứ năm: Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng chú trọng vào các hình ảnh nêu bật lên tác hại, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, các từ ngữ đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu đã phát huy tác dụng, tạo sự tò mò kích thích vì vậy rất dễ ăn sâu và nhận thức của người dân.

Kính thưa Hội nghị!

Trên đây là báo cáo tham luận về “Giải pháp trong thực hiện chính sách và tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”. Cuối cùng xin kính chúc các đồng chí tham dự hội thảo mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Một số kinh nghiệm triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng  
 tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” trên  
 địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng, nhiệm vụ  
 giai đoạn 2021 - 2025**

*Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng*

**I. TÌNH HÌNH CHUNG VÙNG ĐBĐTTS VÀ MIỀN NÚI**

Lâm Đồng có tổng diện tích tự nhiên 978.334 ha, có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: 10 huyện; 02 thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc); 142 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 111 xã; 31 phường, thị trấn); có 1.376 thôn, buôn, tổ dân phố. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, gồm có 451 thôn, 78 xã, 10 huyện.

Dân số toàn tỉnh là 1.296.906 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 333.561 người (25,72% dân số toàn tỉnh); có 03 dân tộc thiểu số gốc tỉnh Lâm Đồng, gồm các dân tộc Cơ Ho 175.531 người, Mạ 38.523 người, Churu 22.473 người (70,8% dân số dân tộc thiểu số và 18,2% dân số toàn tỉnh).

Nhìn chung, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh chậm phát triển, kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, dịch vụ) đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ và chưa đáp ứng được nhu cầu đời sống, sản xuất. Hộ nghèo 6.739 hộ (8,55% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh); hộ cận nghèo 8.211 hộ (10,41%).

Sau ngày thống nhất đất nước (1975), Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm chăm lo đến đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, hệ thống chính trị các cấp đã triển khai thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ phong tục, tập quán không còn phù hợp với cuộc sống mới ngày nay, đời sống đồng bào phần nào ngày càng đã được cải thiện, bộ mặt nông thôn vùng dân tộc thiểu số ngày càng khang trang.

Tuy nhiên, thời gian qua trong đời sống xã hội đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng vẫn còn tồn tại duy trì một số phong tục, tập quán không còn phù hợp, đó tình trạng “TẢO HÔN, HÔN CẬN HUYẾT THỐNG”. Cụ thể:

- Đối với nhóm đồng bào dân tộc thiểu số gốc tại địa phương (*Cơ Ho, Mạ, Churu*) vẫn đang duy trì chế độ hôn nhân “Mẫu hệ” và còn xảy ra tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết (*hình thức chủ yếu là con bà cô lấy con ông cậu*). Nguyên nhân chính dẫn đến xảy ra tình trạng trên, do từ quan điểm không muốn tài sản của gia đình mình, của dòng họ mình “*roi vào tay người khác, dòng họ khác*”. Ngoài ra, cũng có tập tục phải có có nhiều con, nhiều cháu nên xảy ra tình trạng tảo hôn.

- Đối với nhóm đồng bào dân tộc thiểu số di cư từ các tỉnh khác về sinh sống ở Lâm Đồng chủ yếu xảy ra tình trạng tảo hôn, với nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó có nguyên nhân cần có người để lao động.

Giai đoạn 2015-2020, qua kết quả điều tra, khảo sát chưa đầy đủ của Ban Dân tộc, toàn tỉnh có 1.064 trường hợp tảo hôn chiếm tỷ lệ 3,68% so với tổng số người kết hôn và 30 cặp hôn nhân cận huyết thống chiếm tỷ lệ 0,1% so với tổng số kết hôn (*số liệu thực tế còn cao hơn, vì gặp rất khó khăn trong quá trình điều tra khảo sát*).

Phong tục, tập quán trên ảnh hưởng rất nặng nề đến chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực, đây cũng là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong nhiều thế hệ qua.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2020

Kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025” giai đoạn I 2015 – 2020, như sau:

1) Ban Dân tộc tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thành lập Ban Chỉ đạo các cấp (xã, huyện, tỉnh) do một lãnh đạo UBND cùng cấp làm Trưởng ban và Trưởng các ban, ngành, đoàn thể liên quan làm thành viên; đồng thời ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015 – 2020 (giai đoạn 1) để làm cơ sở xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm.

2) Ban Dân tộc tỉnh được giao làm cơ quan đầu mối và thường trực trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch trên; đồng thời tổ chức điều tra, khảo sát tình hình tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên phạm vi địa bàn toàn tỉnh; hàng tổ chức phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện của các cơ quan đơn vị và địa phương liên quan.

3) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án

a) Biên soạn, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông; tài liệu tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình trong vùng dân tộc thiểu số:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Y tế đã biên soạn và cấp phát tài liệu tuyên truyền (*nội dung tài liệu tuyên truyền bao gồm: Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bình đẳng giới, các luận cứ khoa học nói về hệ lụy của tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết*); đã in ấn và cấp phát 81.000 tờ rơi tương ứng với 81.000 người dân được tiếp cận tờ rơi; 1.120 sổ tay tuyên truyền viên tương ứng với 1.120 tuyên truyền viên; lắp đặt 29 pano tuyên



truyền về hệ lụy của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại trung tâm 25 xã có nguy cơ tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông với 1.960 cuộc / 66.164 lượt cán bộ, nhân dân tham dự; hoạt động tư vấn cũng được quan tâm thực hiện với 1.645 cuộc/ 17.152 người dân được tư vấn.

Ngoài ra, Ban Dân tộc phối hợp với các đơn vị: Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại Tây nguyên (VOV), Sở Tư pháp và Sở Y tế khảo sát xây dựng phim phóng sự mang tựa “Nỗi buồn nơi buôn làng” bằng hai ngôn ngữ tiếng phổ thông và tiếng dân tộc Cơ ho phản ánh hệ lụy của tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số Cơ ho, Chu ru, Mạ và H’Mông và in sao đĩa DVD cấp cho 451 thôn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống để làm phương tiện tuyên truyền với hình thức trực quan, sinh động.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, lễ hội nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số:

- Tổ chức được 125 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức với 7.548 lượt người tham gia, đối tượng tham gia lớp bồi dưỡng chủ yếu là lãnh đạo UBND cấp xã, cán bộ đoàn thể xã và cán bộ thôn.

- Hàng năm, tổ chức hội nghị giao lưu, trao đổi kinh nghiệm triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; qua hội nghị này, những cán bộ tham gia thực hiện Đề án có dịp trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện công tác vận động, tuyên truyền về việc thực hiện giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ngay tại đơn vị, địa phương nơi mình công tác và sinh sống.

- Ngoài các hoạt động chủ đạo của Ban Dân tộc tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025”, UBND các huyện cũng đã chỉ đạo Phòng Dân tộc hoặc cơ quan phụ trách công tác dân tộc phối hợp với phòng Tư pháp, Phòng Y tế, ... tổ chức lồng ghép với các chương trình tuyên truyền, vận động khác để cùng tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ phong tục tập quán không còn phù hợp trong đời sống hiện nay, trong đó có tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

c) Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp, nghiên cứu, ứng dụng, triển khai nhân rộng các mô hình:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương liên quan tổ chức khảo sát, xây dựng các mô hình điểm: NÓI KHÔNG VỚI TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG, với hình thức hoạt động tuyên truyền thường xuyên và tuyên truyền luân phiên. Toàn tỉnh xây dựng được 138 mô hình, tại 64 xã và 04 trường Phổ thông Dân tộc nội trú cấp huyện, tỉnh.

- Tại các Mô hình điểm đã tư vấn, tuyên truyền và vận động được 1.260 lượt người dân và học sinh. Hình thức hoạt động của các Mô hình rất linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của từng trường, từng địa phương: như thi đố em và sân khấu hóa tìm hiểu về hệ lụy của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong các trường học; bằng nhiều hình thức tuyên truyền trong nhân dân như tổ chức hội nghị tuyên truyền trực tiếp hoặc lồng ghép với cuộc họp khác của thôn, xóm, ...

- Thông qua các hoạt động phù hợp với tình thực tế từng địa phương, đơn vị, trường học từng bước làm thay đổi nhận thức người dân, nhất là vị thành niên dân tộc thiểu số và học sinh trong các trường dân tộc nội trú về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, đồng thời mỗi học sinh, mỗi giáo viên là một tuyên truyền viên.

#### 4. Kết quả đạt được cụ thể:

Qua 05 năm, triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đã đạt được một số kết quả:

- Với nhiều hình thức trực tiếp và gián tiếp, đa số cán bộ và nhân dân vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền kiến thức pháp luật về lĩnh vực Hôn nhân gia đình, Bình đẳng giới...

- Góp phần nâng cao được nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng và người dân vùng dân tộc thiểu số trong thực hiện các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội tham gia tích cực ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống có hiệu quả, đồng thời nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số.

- Đến năm 2023, không còn xảy ra tình trạng hôn nhân cận huyết thống và giảm nhiều về tình trạng tảo hôn.

#### 5. Bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn

Công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ tình trạng tảo hôn, hôn cận huyết là rất khó khăn, vì đây là thói quen, là phong tục tập quán của đồng bào được duy trì và thực hiện một cách tự giác từ nhiều thế hệ qua. Không thể tuyên truyền, vận động trong một sớm, một chiều mà làm thay đổi nhận thức và hành vi của họ ngay được, cần phải kiên trì thường xuyên theo phương châm “mưa dầm thấm lâu”.

Không nên tổ chức hội nghị tuyên truyền theo từng làng, từng xã hiệu quả rất thấp và có thể không thành công, mà nên tập trung đối tượng cần tuyên truyền lại ở trung tâm huyện hoặc tỉnh, ở đây được nhiều người, nhiều dòng họ, nhiều dân tộc khác nhau cùng tham dự và được trao đổi, so sánh phong tục tập quán với người khác, dòng họ khác, dân tộc khác. Từ đó giúp họ nhận thức được sâu sắc hơn về những hệ lụy của tình trạng tảo hôn, hôn

nhân cận huyết thống gây ra. Góp phần làm thay đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân gia đình.

Về nội dung tuyên truyền nên viết theo dạng song ngữ Tiếng Việt – Tiếng Dân tộc thiểu số; như vậy sẽ khơi dậy được lòng tự hào dân tộc vì đã có chữ viết của dân tộc mình trong tài liệu của nhà nước, đồng thời giúp họ hiểu được những vấn đề cần loại bỏ và những vấn đề cần duy trì trong hôn nhân gia đình nhanh hơn.

Đội ngũ báo cáo viên hoặc tuyên truyền viên phải được tổ chức chọn lựa và bồi dưỡng chu đáo, đảm bảo am hiểu được phong tục tập quán của từng dân tộc, biết nói tiếng dân tộc, có khả năng lý giải các vấn đề liên quan bằng tiếng dân tộc. Làm được như vậy sẽ tránh được tình trạng xảy ra tự ái dân tộc, đồng bào không hợp tác và hội nghị tuyên truyền không thành công.

Ở nơi nào, cấp ủy Đảng, chính quyền cấp cơ sở mà chú trọng quan tâm và có sự phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, phát huy được vai trò của các vị người có uy tín, chức sắc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì nơi đó tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống sẽ không xảy ra.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Như chúng ta được biết: Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025” theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, được tích hợp trong Dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu và các nhiệm vụ trong Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo đó, trong giai đoạn II (2021 – 2025) tỉnh Lâm Đồng thực hiện như sau:

1) Tổ chức truyền thông, tuyên truyền bằng nhiều hình thức như biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số (Cơ ho, Chu ru, Mạ).

2) Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng DTTS.

3) Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở, mở các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, đài phát thanh - truyền hình tỉnh, và qua hệ thống thông tin, truyền thanh tuyến xã.

4) Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao. Nhân rộng mô hình điển và các mô hình chuyên đề phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

5) Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về kiến thức pháp luật, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình.

6) Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, bảo đảm các số liệu được cập nhật thường xuyên theo định kỳ 6 tháng, 1 năm, trong đó tách biệt theo giới tính, độ tuổi, vị trí địa lý, hoàn cảnh kinh tế, xã hội, trình độ học vấn và những yếu tố cơ bản khác.

7) Làm tốt công tác kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án tại địa bàn các huyện, thành phố./.

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Giải pháp trong công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao**  
**năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện thực sự hiệu quả**

*Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum*

Kính thưa đồng chí Hầu A Lệnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc!

Kính thưa đồng chí.....!

Kính thưa toàn thể Hội thảo!

Nhân dịp tham dự Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại tỉnh Quảng Ngãi. Lời đầu tiên, thay mặt tập thể Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum xin gửi đến đồng chí Hầu A Lệnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; đồng chí ..... và các đồng chí tham dự Hội thảo lời chúc sức khỏe, hạnh phúc!

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Kính thưa Hội thảo!

Kính thưa các đồng chí!

Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội thảo, tôi xin trình bày báo cáo tham luận về “Giải pháp trong công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện thực sự hiệu quả”.

Kính thưa Hội thảo!

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, ở phía Bắc Tây Nguyên, có đường biên giới dài 292,522 km (giáp Lào 154,222 km, giáp Campuchia 138,3km). Diện tích tự nhiên gần 10.000 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 17,7% diện tích Tây Nguyên và chiếm 3,1% diện tích toàn quốc. Dân số toàn tỉnh khoảng 580 ngàn người, dân tộc thiểu số trên 312 ngàn người chiếm 54,93% với 43 dân tộc cùng sinh sống; trong đó, có 07 dân tộc tại chỗ, gồm: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Gié-Triêng, Hre, Brâu và Rơ Măm.

Toàn tỉnh có 09 huyện, 01 thành phố với 102 xã, phường thị trấn, trong đó có xã khu vực III, 05 xã khu vực II, 35 xã khu vực I; có 92/102 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (chiếm 90,2%); 564/756 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 74,6%); 371 thôn (làng) đặc biệt khó

khăn; 13 xã biên giới<sup>12</sup>; 03 huyện nghèo : Tu Mơ Rông, Kon Plong, Ia H'Drai là huyện nghèo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tính đến cuối năm 2022, hộ nghèo toàn tỉnh còn 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; trong đó, có 15.215 hộ nghèo dân tộc thiểu số, số hộ thoát nghèo đạt 6.781 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 4,46%.

Đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum sinh sống chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, kết cấu hạ tầng còn nhiều thiếu thốn, xuất phát điểm thấp và là khu vực “lỗi nghèo” của cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh. Biến đổi khí hậu, ảnh hưởng của thiên tai, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét diễn ra nghiêm trọng khó lường; giao thông đi lại khó khăn, chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa lớn nên rất khó khăn để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội chung của cả tỉnh. Quan tâm đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh cũng chính là tạo nên nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước. Vì vậy, với mục tiêu đổi mới phương pháp tiếp cận, phương pháp thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, hạn chế thời lượng giảng lý thuyết, tăng cường trao đổi, tương tác, thực hành, trải nghiệm để nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu tất yếu.

Kính thưa Hội thảo!

Trong khuôn khổ của Hội thảo ngày hôm nay, tôi xin chia sẻ “Giải pháp trong công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện thực sự hiệu quả”

- Về quan điểm tiếp cận: “Tương lai phát triển của địa phương sẽ không lệ thuộc vào vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên mà tùy thuộc vào chuyên môn, kỹ năng, đóng góp, phẩm chất của con người và công tác tổ chức tại địa phương đó” (Philip Kotler, 1993).

Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt với qui mô toàn cầu và chuyển đổi không ngừng như hiện nay, thì quốc gia nào, tỉnh thành nào, địa phương nào sớm định vị hình ảnh rõ nét và làm sâu sắc nó sẽ là tiền đề để thu hút nguồn lực về với địa phương mình.

Nếu xem địa phương như một “doanh nghiệp” thì cần thu hút các “khách hàng” tới với mình. Khách hàng ở đây được hiểu là: Du khách, Nhà đầu tư, Nguồn lao động chất lượng cao, Nhà sản xuất và Doanh nghiệp.

<sup>12</sup> Huyện Sa Thầy có 2 xã là Mụ Rai, Rờ Kơi; huyện Ia H'Drai có 3 xã: Ia Tơi, Ia Dal, Ia Dom giáp với CamPuChia; huyện Ngọc Hồi có 5 xã: Sa Loong, Pờ Y, Đăk Xỳ, Đăk Dục, Đăk Nụng; huyện Đăk Glei có 3 xã: Đăk Nhoong, Đăk Long, Đăk Bly giáp với Là o.

Nguồn lao động chất lượng cao đề cập tới trong khuôn khổ của bài tham luận tại Hội Thảo lần này được hiểu: cộng đồng (Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, công tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín) và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp tại địa phương và xem xét trong bối cảnh hoạt động diễn ra ở đây được hiểu là: công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5 Chương trình.

- Về đánh giá thực trạng công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cộng đồng, cán bộ triển khai chương trình ở các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong thời gian qua

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thông qua thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đã tổ chức được 78 đợt với trên 6.000 lượt học viên tham gia và tổ chức nhiều đợt tham quan học tập kinh nghiệm cho các đối tượng thuộc các Chương trình. Qua các đợt đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở đã từng bước góp phần nâng cao trình độ, năng lực tổ chức quản lý, điều hành, năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ cấp xã trong công tác theo dõi, giám sát, đánh giá về cơ chế quản lý, các hoạt động của Chương trình, góp phần tích cực vào kết quả giảm nghèo cũng như hoàn thành mục tiêu đưa các xã, thôn, bản thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn và từng bước góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh nói chung và nhất là nguồn nhân lực trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu nói riêng. Đồng thời, góp phần nâng cao tỷ lệ xã làm chủ đầu tư dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đạt 89%; tỷ lệ xã làm chủ đầu tư cơ sở hạ tầng đạt 96%; tỷ lệ số xã có tổ đội sản xuất tham gia thi công công trình đạt 43% và nhiều đối tượng tham gia đào tạo đã ứng dụng mô hình sản xuất có hiệu quả vào phát triển kinh tế hộ gia đình.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng còn gặp một số khó khăn, hạn chế như: Một số học viên là cộng đồng người dân trình độ còn hạn chế; còn có một số đồng bào dân tộc chưa thật thông thạo tiếng Việt nên khả năng tiếp thu kiến thức để vận dụng vào thực tế gặp nhiều khó khăn; đồng bào đa phần sản xuất nông, lâm nghiệp theo kiểu trồng cây hoặc nuôi con theo truyền thống còn thô sơ, ít cơ giới hoá; sản phẩm làm ra chủ yếu bán thô hoặc chế biến sơ rồi bán cho thương lái, đầu mỗi thu gom. Đối với đội ngũ cán bộ các cấp tại địa phương có nơi còn thiếu về số lượng và yếu về chuyên môn, kỹ năng, ít được đào tạo bài bản về phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ chuyên sâu. Do đó, quá trình chia sẻ, truyền đạt, tập huấn bồi dưỡng vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Về địa hình Tây Nguyên nói chung và Kon Tum nói riêng là đồi núi, cao nguyên, khoảng cách địa lý giữa các thôn/xã/huyện khá xa và giao thông nhiều nơi còn khó khăn, đường đất sinh lầy vào mùa mưa, bụi vào mùa khô. Do vậy, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đã khó lại càng thêm phần khó hơn.

Về phương tiện đào tạo, tập huấn cũng như cơ sở vật chất còn thiếu thốn, lạc hậu về công nghệ và cũng thiếu ngay cả cán bộ am hiểu thiết bị công nghệ, có kỹ năng và năng lực phù hợp để đứng lớp chuyên môn.

Vì vậy để tổ chức một chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình tại địa phương chỉ có 02 giải pháp, cụ thể như sau:

Một là, mời đại biểu đến trung tâm thành phố, là nơi có cơ sở vật chất đầy đủ và đảm bảo; tuy nhiên, các đối tượng tham gia chương trình tập huấn, bồi dưỡng phải sắp xếp việc cơ quan, việc gia đình để tham gia; khoảng cách di chuyển có thể từ nơi cư trú đến địa điểm học tập có thể từ 30km đến trên 100km; thời gian đi/về khoảng 02 ngày (tùy thuộc vào khoảng cách gần/xạ).

Hai là, đơn vị tổ chức di chuyển đến trung tâm huyện/xã/thôn để tổ chức, những nơi này lại thiếu thốn về công nghệ và máy móc, phương tiện. Do vậy, đơn vị tổ chức chuẩn bị các phương tiện như: máy tính, máy chiếu, loa, âm thanh, ...có thể có những đợt đi đến cơ sở lại không có sóng điện thoại, mạng internet và thậm chí còn không có điện. Bên cạnh đó, các đối tượng khi tham gia học tập gần cơ quan, gần nhà nên thường có tâm lý tranh thủ thời gian để giải quyết việc riêng nên ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp thu nội dung chuyên đề tập huấn.

Chính vì 02 lý do nêu trên, phương án chủ yếu vẫn là mời đại biểu đến trung tâm thành phố, là nơi có cơ sở vật chất đầy đủ, đảm bảo để tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực. Điều này dẫn đến các chi phí tương đối lớn để tổ chức lớp; nhất là đối với việc thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các đối tượng không hưởng lương từ ngân sách khi tham gia tập huấn chỉ được hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, đi lại với định mức thấp; đồng thời, hiện nay các địa phương đều đồng loạt triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, nên việc chùng chéo về đối tượng, địa bàn, thời gian tổ chức thực hiện và đều phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Vì vậy, giải pháp đề ra để triển khai thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp là một bài toán khó cần có đáp án đúng để mang lại hiệu quả thực sự.

Kính thưa quý vị đại biểu! Thưa Hội thảo!

Muốn tìm ra giải pháp thì cần trả lời 03 câu hỏi lớn, đó là: Làm cho ai? Làm cái gì? và Làm điều đó bằng cách nào?

- Làm cho ai? Cụ thể với tỉnh Kon Tum đó là cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống thành cộng đồng trên địa bàn tỉnh với trên 300 ngàn người, chiếm 54,93% dân số toàn tỉnh; trong đó, chủ yếu tập trung chp 07 dân tộc tại chỗ, gồm: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Gié-Triêng, Hrê, Brâu và Rơ Măm và cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp, ...

- Làm cái gì? Dưới góc độ từ các lớp bồi dưỡng, tập huấn và công tác đào tạo nâng cao năng lực được hiểu là “sản phẩm”. Vậy cách đơn giản nhất là



hãy hỏi chính “khách hàng” ở đây là đối tượng được đào tạo xem họ cần cái gì, thích và muốn cái gì? Điều này được thực hiện bằng cách khảo sát, đánh giá thông qua bảng khảo sát, bảng câu hỏi, để từ đó nắm được các nhu cầu và mong muốn, sự thật ngầm hiểu sâu bên trong của cộng đồng tại địa phương. Khi đã hiểu rõ mong muốn đó, mới tiến hành lên chương trình, nội dung và xác định vấn đề cần giải quyết nhằm thoả mãn mong muốn của các “khách hàng” nói tới ở bài tham luận này là đối tượng thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5.

Xin phép được nêu ra một ví dụ: Bà con nông dân chỉ quan tâm tới làm sao sản xuất (trồng cây gì? nuôi con gì?) đạt hiệu quả (sản lượng, chất lượng) để bán được giá tốt (có lời) mà không lo phải cảnh “giải cứu”. Trong khi đó chúng ta lại đi thiết kế, xây dựng kế hoạch tập huấn về kế hoạch tài chính, tư duy chiến lược, chuyển đổi số, quản trị website, ... thì chắc hẳn bà con mình sẽ “ngủ gục” ngay sau 60s khi bài giảng bắt đầu.

Tiếp theo đó là lựa chọn chuyên gia/giảng viên/báo cáo viên phù hợp, xin nhấn mạnh một ý cốt lõi là “phù hợp”, tức là: Cái gì hay và tốt ở nơi khác chưa chắc đã hay và đúng ở địa phương mình. Cần xem xét tính “phù hợp” giống như chọn một cái áo rất đẹp, rất mát, rất xu hướng nhưng rất tiếc lại không vừa với người mặc. Vậy “phù hợp” được hiểu là nội dung phù hợp và đối tượng phù hợp. Cũng không cần chạy theo nơi này, nơi khác, vùng này, vùng khác theo chỉ tiêu hoặc thành tích. Cái gì hay thì học, nhưng học có chất lượng và linh hoạt áp dụng một cách thật sự phù hợp với “nhà mình”.

Và ý quan trọng nữa là, một lần mời chuyên gia về là một lần khó và tốn kém chi phí. Vì vậy, phải tranh thủ bằng mọi cách khai thác, học hỏi, kết nối, tận dụng triệt để “chuyên gia” để đào tạo lại cho cán bộ chuyên trách của địa phương và để sau này chuyên gia rút đi rồi thì địa phương cũng đã có một “lớp chuyên gia” kế cận là người địa phương, sinh ra và lớn lên tại địa phương và hoàn toàn hiểu rõ dân tộc mình, đồng bào mình, ngôn ngữ, văn hoá vùng miền của mình.

- Làm điều đó bằng cách nào? Đó là phương pháp và hình thức:

+ Về Phương pháp: Nhất định nên đổi mới và phải khác với lối đào tạo truyền thống là người đọc, người chép thì chắc hẳn sẽ khó phát huy hiệu quả và với quan điểm đào tạo: “Lấy người học làm trung tâm của lớp học”. Từ đó mọi phương pháp đổi mới, mọi phương cách sáng tạo sẽ xoay quanh người học, có thể kể tới một số phương pháp cụ thể như sau: Học qua xem video clips; học qua các trò chơi; học qua phương pháp làm việc nhóm; học qua thuyết trình; học qua phản biện tình huống; học qua phương pháp nhập vai nhân vật; học qua Sơ đồ tư duy; ...

+ Về Hình thức: Có 02 hình thức, đó là online và offline:

Online trực tuyến: có thể qua zoom, google meet, clip hướng dẫn đăng tải lên mạng Youtube, google Drive, ...

Offline trực tiếp

Cách 1: Trong phòng hội nghị - nơi có đầy đủ trang thiết bị

Cách 2: Cầm tay chỉ việc ngay tại nhà vườn, các mô hình, nhà máy, kho xưởng, ...

Cách 3: Tham quan thực tế, giao lưu học hỏi mô hình có hiệu quả tại các địa phương khác.

Và còn một cách ngoài lề đó là: Lãnh đạo/cán bộ hãy làm gương và để làm được điều này trước tiên các cấp chính quyền, cụ thể là lãnh đạo địa phương phải là người tiên phong mở lối dẫn đường, thay đổi tư duy và đổi mới cách tiếp cận.

Kính thưa quý vị đại biểu! Thưa Hội thảo!

Bài tham luận về “Giải pháp trong công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện thực sự hiệu quả” đến đây là kết thúc.

Một lần nữa tôi xin thay mặt tập thể Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum, xin kính chúc đồng chí Hầu A Lênh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; đồng chí ..... và các đồng chí tham dự Hội thảo sức khỏe, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Một số vấn đề cần quan tâm để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và kiến nghị, đề xuất giải quyết một số vướng mắc thực hiện Chương trình**

*Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa*

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thưa toàn thể Hội nghị!

Được sự cho phép của Ban tổ chức, tôi xin đại diện cho Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa báo cáo tham luận về chủ đề: “Một số vấn đề cần quan tâm để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025” (sau đây gọi là Chương trình) và kiến nghị, đề xuất giải quyết một số vướng mắc thực hiện Chương trình.

Trước tiên, cho phép tôi gửi đến quý vị đại biểu đang có mặt tại Hội nghị lời chào trân trọng và lời chúc tốt đẹp nhất, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Kính thưa quý vị đại biểu!

I. Những vấn đề cần quan tâm để triển khai thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao.

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Khánh Hòa có 28 xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó: 20 xã khu vực III, 03 xã khu vực II, 05 xã khu vực I; có 66 thôn đặc biệt khó khăn; có 3 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn gồm: dân tộc Raglai, Ê đê, Cơ ho (T'rin). Trên địa bàn toàn tỉnh Khánh Hòa có 35 DTTS sinh sống với trên 72.000 người, chiếm 5,8% dân số toàn tỉnh, trong đó dân tộc Raglai chiếm trên 77%.

Trong những năm qua, vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Khánh Hòa đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai huy động tối đa các nguồn lực, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN đã góp phần làm cho bộ mặt nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN có nhiều khởi sắc, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập, lao động sản xuất và đời sống của người dân; nhiều mô hình hỗ trợ, đầu tư phát triển sản xuất hiệu quả được triển khai và nhân rộng, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện; quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

Tuy nhiên, do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, địa hình đồi núi rộng lớn, dân cư thưa thớt và sinh sống không tập trung, chất lượng nguồn nhân

lực còn thấp, nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế, trình độ lao động sản xuất còn lạc hậu... mặt dù đã được Nhà nước quan tâm đầu tư rất lớn để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN còn thiếu, chưa đáp ứng và tạo động lực cho phát triển; đời sống của đa số đồng bào DTTS vẫn còn nhiều khó khăn; tiềm năng, thế mạnh về kinh tế của từng vùng chưa được phát huy; khả năng tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ tiện ích xã hội vùng đồng bào DTTS&MN còn khó khăn, chất lượng cuộc sống còn thấp.

Việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, chỉ mới được thực hiện từ tháng 6/2022 đến nay, là Chương trình có quy mô rộng lớn, gồm 10 Dự án thành phần, bao phủ toàn bộ đời sống, kinh tế, văn hoá, xã hội của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, với sự tham gia trực tiếp của nhiều Bộ, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội. Là năm đầu tiên triển khai Chương trình trong điều kiện các cơ chế, chính sách, hướng dẫn... thực hiện các nội dung của Chương trình chưa đồng bộ, đầy đủ nên công tác tổ chức thực hiện còn gặp không ít khó khăn, thách thức.

Việc rút ra những bài học kinh nghiệm đòi hỏi phải có thời gian thực hiện. Tuy nhiên qua quá trình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, Ban Dân tộc Khánh Hoà nhận thấy, để đưa Chương trình vào đi cuộc sống và thật sự có hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 đã đề ra, cần quan tâm thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất: Hệ thống các chính sách, quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình phải đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm.

Như chúng ta biết, trình độ nhận thức và năng lực của không ít cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN vẫn còn hạn chế, vì vậy việc đọc, hiểu biết đúng, đầy đủ các chính sách, hệ thống các văn bản pháp luật... để tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện Chương trình là vấn đề không đơn giản đối với đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Trong khi đó, hệ thống các văn bản pháp luật triển khai thực hiện Chương trình lại quá nhiều, quá dài, chưa thống nhất và khó hiểu... gây lúng túng, khó khăn, hiểu sai... trong việc thực hiện. Do đó, việc xây dựng, ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình cần phải thực hiện kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm.

Thứ hai: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở nhiệt huyết, trách nhiệm, năng động, am hiểu tường tận các chính sách, pháp luật để tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện Chương trình

Người dân vừa là đối tượng thụ hưởng vừa là chủ thể tham gia vào Chương trình và nếu người dân không hưởng ứng, tham gia Chương trình thì coi như Chương trình thất bại. Như vậy, việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện Chương trình là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của Chương trình. Chính vì vậy, cần phải có đội ngũ cán bộ thật tốt để tuyên truyền, vận động và làm cho dân tin để dân tham gia thực hiện.

Trong thực tế, đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và đặc biệt là đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù thì đa số trình độ học vấn còn thấp, tư duy và nhận thức còn hạn chế; trình độ lao động sản xuất còn lạc hậu; còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại; duy trì những hủ tục, tập quán, thói quen lạc hậu; sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, ít tiếp cận với đời sống văn minh... nên rất khó để làm công tác tuyên truyền, vận động tham gia thực hiện Chương trình.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”; và Người cũng nhiều lần khẳng định: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, vì vậy cần tập trung xây dựng, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng, kiến thức về công tác dân tộc, am hiểu tường tận các chính sách của Chương trình cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở để thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng. Đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở phải sâu sát dân, hiểu biết văn hóa, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lý, tính cách của đồng bào DTTS nơi mình công tác; thấu hiểu nguyện vọng của dân, sự khổ cực của dân; xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, với chính quyền và với cán bộ. Qua đó, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, đồng bào DTTS nâng cao nhận thức, trình độ học vấn, thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm hiệu quả, trang bị các kỹ năng trong lao động sản xuất, tích cực tham gia các Dự án của Chương trình, động viên đồng bào các DTTS phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, thi đua lao động sản xuất, cùng hòa nhập và phát triển.

Thứ ba: Tiếp tục đổi mới hình thức tuyên truyền

Để vận động, thuyết phục đồng bào nghe theo, làm theo, thì việc đầu tiên phải làm cho đồng bào hiểu về chính sách, biết được quyền lợi mình được hưởng, tham gia làm việc gì, làm như thế nào... Nội dung, hình thức tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm phù hợp với từng đối tượng cụ thể, tránh tình trạng “nói không nghe”, “nghe không hiểu”, “hiểu không làm”. Công tác tuyên truyền phải gắn với hành động, cầm tay chỉ việc, mô hình hiệu quả thực tế; động viên khích lệ, khen thưởng kịp thời đối với các đối tượng tích cực

hưởng ứng tham gia và chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

## II. Những khó khăn, vướng mắc triển khai thực hiện Chương trình

1. Về việc phê duyệt Danh sách thôn vùng đồng bào DTTS tại các xã ngoài khu vực I, II, III

Giai đoạn 2021 - 2025 vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh Khánh Hòa có 28 xã, thị trấn theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (gồm 5 xã thuộc khu vực I, 3 xã thuộc khu vực II, 20 xã thuộc khu vực III). Tuy nhiên, một số xã ngoài khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh có 04 thôn đủ điều kiện là thôn vùng đồng bào DTTS&MN (đạt tiêu chí phân định thôn vùng đồng bào DTTS tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ) chưa được công nhận là thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Để đảm bảo đồng bào DTTS được thụ hưởng Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, kiến nghị Ủy ban Dân tộc sớm rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh sách thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

2. Về chi phí hỗ trợ hoạt động Tổ công tác Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính chỉ quy định mức chi chung và các mức chi cụ thể cho từng Dự án thuộc Chương trình, chưa có quy định hướng dẫn thực hiện một số nội dung chi phục vụ quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình, như: Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác Chương trình; chi văn phòng phẩm, trang thiết bị, mua sắm, sửa chữa phương tiện (máy tính, máy in,...); công tác phí đi tham dự Hội nghị, Hội thảo thuộc Chương trình ở ngoài tỉnh... Do đó, trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có văn bản kiến nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định và hướng dẫn chi cho các hoạt động nêu trên để tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện.

3. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất

- Kinh phí hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất bố trí bằng vốn đầu tư công nên các địa phương rất khó thực hiện. Đề nghị trung ương sớm có hướng dẫn để thực hiện.

- Nội dung hỗ trợ nhà ở

+ Tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định về đối

tượng áp dụng: “Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm”.

+ Đối với đối tượng được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi không quy định thời gian tách hộ như Chương trình giảm nghèo bền vững.

Để thực hiện thống nhất giữa 02 Chương trình, đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể về nội dung này để địa phương có cơ sở thực hiện.

#### b) Hỗ trợ nước sinh hoạt

Tại Quyết định số 4/2023/QĐ-TTg về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình, quy định “Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 3.000 triệu đồng/công trình để đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung”:

Theo quy định trên, việc xác định bình quân trên tổng số công trình nước sinh hoạt là 3.000 triệu đồng/công trình; hay xác định bình quân cho một công trình là 3.000 triệu đồng/công trình. Mặc khác, trung ương không quy định cụ thể mức đối ứng của ngân sách địa phương. Trường hợp công trình có tổng mức đầu lớn trên 3.000 triệu đồng/công trình, ngoài ngân sách trung ương hỗ trợ là 3.000 triệu đồng/công trình, ngân sách địa phương đối ứng phần vốn còn lại để thực hiện có được không. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể để địa phương thực hiện đúng quy định.

4. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

#### a) Nội dung về định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất

Theo Khoản 5 Điều 21 và Khoản 5 Điều 22 tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định: "Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình"; Theo quy định tại khoản 2, Điều 11, Thông tư số 15/TT-BTC “Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án/kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.”; Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định: “Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia”. Như vậy, thẩm quyền ban hành Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án là của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 quy định mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ cụ thể thực hiện 01 dự án/kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách trung ương: “Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương đối với các dự án/kế hoạch liên kết do trung ương thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các dự án/kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện, quyết định mức hỗ trợ cụ thể, đảm bảo theo quy định Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.” Như vậy việc hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài chính chưa có sự thống nhất của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia. Do đó, hiện nay địa phương chưa xác định được “Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án” là do UBND tỉnh ban hành hay UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

b) Nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng tham gia Nội dung số 1, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3:

“Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

. Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.”

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP:

“Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.”

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc:

"a) Dự án, kế hoạch liên kết phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Chương trình theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK. Ưu tiên dự án, kế hoạch liên kết do doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ, hoặc HTX có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.



b) Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị phải có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số."

Từ những quy định nêu trên cho thấy chưa có sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật về đối tượng tham gia, dẫn đến địa phương rất khó tuyên truyền, phổ biến và áp dụng thực hiện. Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hoà kiến nghị cần làm rõ:

(1) Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia. Đối tượng của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg là các hộ nghèo, cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào DTTS và miền núi. Như vậy, hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số và cả người Kinh, hay chỉ là người dân tộc thiểu số.

(2) Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị:

+ Phải đáp ứng 02 điều kiện: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và phải có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số; hay chỉ 01 điều kiện có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

+ Lao động là người dân tộc thiểu số phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo hay là không nhất thiết phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(3) Về đối tượng ưu tiên cần làm rõ:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo là người dân tộc thiểu số hay là tất cả hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (kể cả người Kinh) sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK hay là tất cả các hộ dân sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK

c) Nội dung về đối tượng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng

Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng: "Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình MTQG theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định này và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương". Theo đó, ngoài việc thực hiện theo các điều kiện tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì phải thực hiện các điều kiện khác do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh quy định.

Tuy nhiên, theo Điểm a Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc lại quy định: "Dự án phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Chương trình theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; trong đó, tỷ lệ tham gia dự án của người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

tối thiểu 70%". Việc quy định tỷ lệ tham gia của các đối tượng tối thiểu 70% này là chưa phù hợp. Đề nghị Ủy ban Dân tộc điều chỉnh nội dung này cho phù hợp với Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

d) Nội dung về phương pháp phân bổ nguồn vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và tại Điểm b Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc quy định địa bàn thực hiện tại các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên các xã ĐBKK, thôn ĐBKK.

Tuy nhiên, theo tiêu chí, định mức và phương pháp tính điểm trong Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chỉ có xã, thôn ĐBKK.

Như vậy, đối với các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN nhưng không phải là xã, thôn ĐBKK khi thực hiện sẽ áp dụng tiêu chí, định mức và phương pháp tính điểm nào, sử dụng nguồn vốn nào để thực hiện. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể về nội dung này để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện.

e) Đối với nội dung về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng

Tại Khoản 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: "Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng trong dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt".

Đề nghị Ủy Ban Dân tộc kiến nghị sửa đổi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP việc ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng, tùy vào tình hình thực tế của từng địa phương, từng chương trình mục tiêu quốc gia và do địa phương quyết định. Nếu bắt buộc áp dụng đối với Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN sẽ gây khó khăn trong việc thu hút người dân tham gia, đặt biệt là đối với người đồng bào DTTS.

#### 5. Dự án 5: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

Theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 về Phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018- 2025": quy định các nhóm đối tượng 2, 3, 4 ở địa phương phải được Bồi dưỡng kiến thức dân tộc là ở địa bàn đông đồng bào dân tộc thiểu số. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có quy định cụ thể về địa bàn đông đồng bào dân tộc thiểu số để địa phương có cơ sở thực hiện.

- Nội dung 2: Bồi dưỡng tiếng dân tộc

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc. Bồi dưỡng tiếng dân tộc được thực hiện theo Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số. Tỉnh Khánh Hòa, dân tộc Raglai chiếm trên 75% các DTTS trên địa bàn tỉnh, chưa có bộ chữ viết. Đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với DTTS chưa có bộ chữ viết được công nhận theo quy định.

6. Tiểu dự án 1 của Dự án 9: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ, ngành trung ương trình Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng ưu đãi hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với hộ dân tộc còn nhiều khó khăn để có cơ sở triển khai thực hiện và hướng dẫn xử lý nguồn vốn trung ương đã giao kế hoạch năm 2022 cho các địa phương.

- Về phạm vi thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 9 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình".

Quy định như trên là chưa rõ và chưa phù hợp đối với các hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn. Vì theo Tiểu dự án 1 - Dự án 9, hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn chỉ được thụ hưởng 01 nội dung là hỗ trợ có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng để phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Các nội dung hỗ trợ khác tại Tiểu dự án 1 - Dự án 9 là hỗ trợ cho các DTTS có khó khăn đặc thù. Kiến nghị đối tượng hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn ngoài việc được hỗ trợ có thu hồi vốn tại Tiểu dự án 1 - Dự án 9 thì còn được thụ hưởng tất các Dự án khác.

8. Tiểu dự án 1 - Dự án 10 về Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín

- Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định nội dung trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho đối tượng "là lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi". Tuy nhiên, tại Điểm g Khoản 2 Điều 65 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định: "Trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho người có uy tín trên địa bàn tỉnh...", không quy định việc hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho đối tượng là lực lượng cốt cán.

Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể “lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” gồm những đối tượng nào và cấp nào (tỉnh, huyện, xã) có thẩm quyền phê duyệt danh sách lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và lực lượng cốt cán có được trang bị phương tiện nghe nhìn không.

- Tại Điểm a Khoản 5 Điều 50 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính: “Mỗi đối tượng thụ hưởng được cấp 01 phương tiện nghe nhìn. Loại phương tiện, hình thức hỗ trợ, điều kiện nhận hỗ trợ (nếu có) do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị”, trong đó không quy định cụ thể định mức kinh phí đối với phương tiện nghe nhìn. Đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn cụ thể để địa phương có cơ sở thực hiện nội dung này.

Báo cáo tham luận của Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa đến đây là hết.  
Trân trọng cảm ơn quý vị đã chú ý lắng nghe!

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kinh nghiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện dự án 1: Hỗ trợ giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

### *Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế*

Kính thưa đồng chí Hậu A Lệnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc!

Kính thưa quý vị đại biểu tham dự Hội thảo!

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 thực hiện Nghị quyết 88/2019/QH14 nhận được sự kỳ vọng rất lớn của các ngành, các cấp và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021. Đến nay, thời gian thực hiện đã gần 2 năm, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức để đạt được các mục tiêu đề ra. Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh đang tích cực tham mưu, tập trung đề ra các giải pháp nhằm triển khai Chương trình có hiệu quả.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thừa Thiên Huế có 02 huyện miền núi (Nam Đông, A Lưới) và 03 huyện, thị xã có đồng bào DTTS (Phú Lộc, Phong Điền, Hương Trà) với tổng dân số toàn vùng đồng bào dân tộc có 121.248 người/24.657 hộ, trong đó DTTS là 54.062 người, chiếm 4,9% so với dân số toàn tỉnh, bao gồm dân tộc Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu, Vân Kiều, Pa Hy và một số dân tộc khác. Với vị trí địa lý giáp ranh với nước bạn Lào, vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế có tiềm năng kinh tế và vị trí chiến lược quan trọng. Đồng thời, cũng là căn cứ địa cách mạng của hai cuộc kháng chiến, có vị trí chiến lược rất quan trọng về biên giới, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái của tỉnh và khu vực miền Trung.

Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã huy động nhiều nguồn lực và có nhiều chính sách ưu tiên dành cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nhờ nguồn lực hỗ trợ từ các chính sách, chương trình dự án trên, bộ mặt các địa phương thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi từng bước khởi sắc, đời sống tinh thần có nhiều chuyển biến tích cực. Song, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt vẫn còn tồn tại và cần được hỗ trợ. Qua rà soát, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế

hiện có 211 hộ thiếu và có nhu cầu hỗ trợ đất ở, 1.304 hộ thiếu đất sản xuất, 1.652 hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt. Đối với nhà ở, có 2.019 hộ chưa đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), trong đó: huyện A Lưới có 1.775 hộ; huyện Nam Đông có 209 hộ; huyện Phú Lộc có 7 hộ và thị xã Hương Trà có 28 hộ.

Có thể thấy rằng, để tiếp tục đẩy mạnh phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN thì việc bảo đảm chính sách nhà ở cũng như giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt được triển khai thực hiện đến với hộ đồng bào DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở các xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn toàn tỉnh là hết sức cần thiết.

#### Công tác chỉ đạo, triển khai

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên, chú trọng công tác triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN và kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định, kế hoạch để chỉ đạo, điều hành triển khai trên địa bàn tỉnh<sup>13</sup>; thường xuyên, sâu sát với địa phương cơ sở, nhất là vùng đồng bào DTTS các huyện: A Lưới và Nam Đông để chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, ban, ngành đoàn thể cơ sở tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chương trình ở địa phương.

UBND tỉnh thường xuyên, sâu sát lãnh đạo, chỉ đạo Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện Quyết định 1719/QĐ-TTg và các văn bản liên quan<sup>14</sup>; tổ chức nhiều cuộc họp với các Sở, ngành; các đợt công tác, làm việc tại các huyện vùng đồng bào DTTS&MN: A Lưới và Nam Đông để nắm tình hình, chỉ đạo công tác triển khai Chương trình ở địa phương cơ sở, nhất là việc xác định mục tiêu, các chỉ tiêu giảm nghèo; lồng ghép nguồn lực các Chương trình MTQG phát triển vùng đồng bào DTTS&MN để bảo đảm hiệu quả, tối ưu nhất trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

<sup>13</sup> Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; Nghị quyết 8/NQ-HĐND ngày 20/01/2023 kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế.

<sup>14</sup> Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 08/6/2022 về việc triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định 253/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó Trưởng Ban Dân tộc là ủy viên thường trực của Ban Chỉ đạo, phụ trách tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình MTQG vùng DTTS trên địa bàn tỉnh; Quyết định 1367/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 về thành lập Văn phòng điều phối Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS&MN tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 Về việc giao dự toán kinh phí thường xuyên do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế.

### Kết quả đạt được

Xác định rõ, dự án 1 tác động trực tiếp đến hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn; là một trong những tiêu chí giảm nghèo đa chiều theo Nghị định 07/2020/NĐ-CP của Chính phủ; để công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện Chương trình được thực hiện có hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu, nội dung tại Dự án 1: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; là cơ quan chủ Chương trình, Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định định mức đất sản xuất để thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất theo Quyết định số 1719/QĐ -TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Hiện đang tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định mức hỗ trợ nhà ở từ nguồn ngân sách địa phương cho các đối tượng thuộc Dự án 1 của Chương trình (dự kiến ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác hỗ trợ cho xây dựng nhà ở là 20 triệu đồng/hộ; trong đó ngân sách địa phương tối thiểu 4 triệu đồng/hộ).

Bên cạnh đó, Ban Dân tộc đã chủ động xây dựng, hoàn thiện quy trình rà soát đối tượng, quy định đối tượng ưu tiên thực hiện Dự án 1, Dự án 2; hướng dẫn địa phương rà soát, thẩm định, phê duyệt danh sách các hộ thuộc diện được hỗ trợ đất ở, nhà ở; đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán cho địa phương, cơ sở; tổ chức hướng dẫn các địa phương cách xác định hộ chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo Quy định tại Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cập nhật số liệu từ địa phương, cơ sở cấp xã lên cấp huyện.

### Khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những nội dung nêu trên, trong quá trình triển khai Dự án 1, vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

Một là, hiện nay, quỹ đất (đặc biệt là quỹ đất sản xuất để bố trí cho người dân hầu như đã hết; hoặc đất đai bị hoang hoá; cần rất nhiều thời gian và kinh phí để phục hồi).

Hai là, thực tế tại địa phương, các hộ dân thuộc đối tượng được hỗ trợ nhà ở (Theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện) đã tiến hành vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; vay thêm các tổ chức, cá nhân bên ngoài để hoàn thiện ngôi nhà đảm bảo 03 cứng (nền cứng, khung – tường cứng, mái cứng) theo tiêu chuẩn, nhưng kinh phí từ ngân sách Trung ương và địa phương vẫn chưa giải ngân được.

Ba là, Một số hộ gia đình thuộc danh sách được phê duyệt hộ nghèo năm 2022 thì sang năm 2023 đã thoát nghèo.

Bốn là, vẫn chưa có hướng dẫn về cơ chế đặc thù trong sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình. Vì vậy, địa phương gặp rất nhiều lúng túng, đặc biệt là công tác dân vận đối với bà con.

Các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Thực hiện Kết luận 556-KL/TU, ngày 19/8/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2365/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030; Để làm tốt hơn nữa công tác triển khai, thực hiện Chương trình, cụ thể là Dự án 1 trong thời gian tới, Ban Dân tộc tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Một là, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ nhà ở từ ngân sách địa phương cho các đối tượng thụ hưởng Dự án 1, Chương trình 1719 trong kỳ họp chuyên đề tháng 4 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hai là, tiếp tục bám sát các văn bản của Bộ, ngành trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh để tiếp tục hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện dự án, nhất là hướng dẫn thực hiện cơ chế đặc thù đối với việc sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình.

Ba là, tiến hành giám sát, đánh giá các chỉ tiêu theo Thông tư 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc nhằm có góc nhìn toàn diện về các chỉ số giám sát, phục vụ đánh giá giữa kỳ tiến độ thực hiện Chương trình.

Bốn là, tích cực phối hợp với các sở, ngành được phân công chủ trì các dự án, tiểu dự án thành phần hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá cho địa phương triển khai.

Trong thời gian tới, Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục tích cực nghiên cứu văn bản, triển khai tại địa phương, từ đó góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với Đảng, Nhà nước, góp phần đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại Hội thảo lần này, thay mặt Lãnh đạo, cán bộ, công chức Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế, xin kính chúc đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc luôn dồi dào sức khỏe; kính chúc quý vị đại biểu, các đồng chí làm công tác dân tộc ở 19 tỉnh, thành phố tham dự Hội thảo mạnh khỏe, hạnh phúc. Xin gửi lời cảm ơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi đã tạo mọi điều kiện cho các địa phương được tham dự Hội thảo hôm nay./.



**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Về kinh nghiệm tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù**  
**Đầu tư, hỗ trợ vùng đồng bào DTTS-MN tỉnh Quảng Nam**

*Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam*

Kính thưa: .....

Được sự cho phép của chủ trì, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam, tham gia trao đổi một số kinh nghiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam. Cụ thể như sau:

Thứ nhất về thực trạng ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù đối với vùng đồng bào DTTS-MN tỉnh Quảng Nam.

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Quảng Nam đã ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù cụ thể sau đây:

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam;
- Cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người DTTS;
- Cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo hiểm Y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã khu vực III, Khu vực II khi đạt chuẩn nông thôn mới;
- Cơ chế, chính sách khuyến khích bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác;
- Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch miền núi tỉnh Quảng Nam;
- Cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Thứ hai về kinh nghiệm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS-MN tỉnh Quảng Nam.

Kính thưa Hội thảo.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam hằng quý hoặc 6 tháng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tỉnh, tổ chức đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tác động các chính sách hiện hành ở từng đối tượng thụ hưởng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh; qua đó rút ra những ưu, khuyết điểm của từng cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực kinh tế, Văn hóa, môi trường,...

Ví dụ: Tại Điều 3, Quyết định 861 ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định “Các xã khu vực III, khu vực II được phê duyệt tại quyết định này nếu được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trở thành khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực”.

Xuất phát từ quy định, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam, chủ trì xây dựng kế hoạch cụ thể, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tỉnh tổ chức đoàn công tác làm việc với địa phương và đối tượng thụ hưởng chính sách, đánh giá những chính sách thôi hưởng sẽ ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến đời sống vật chất, tinh thần,... của đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó đề xuất, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND xem xét thống nhất chủ trương; trên cơ sở chủ trương của Tỉnh ủy và thống nhất của HĐND tỉnh; UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị chức năng, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư, hỗ trợ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh.

Năm 2022, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam đã tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho người đồng bào DTTS ở các xã KV III, KV II đạt chuẩn nông thôn mới. Hiện nay UBND tỉnh tiếp tục giao cho BDT tham mưu UBND tỉnh, tháng 5/2023 trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh các cấp ở các xã thuộc KV III, KV II vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh khi đạt chuẩn nông thôn mới trong lộ trình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Thứ ba: một số kiến nghị, đề xuất đối với Bộ, ngành trung ương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021- 2025 (gọi tắt Chương trình).

*\* Đối với Bộ Tài chính:*

Công văn số 2807, ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính trả lời vướng mắc về việc sử dụng nguồn kinh phí của trung ương tại Tiêu dự án 3 - Dự án 10 để chi cho các hoạt động liên quan đến quản lý Chương trình nhưng chưa được quy định tại Quyết định 1719 ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 15 ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, như: Chi tham dự các Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ công tác quản lý Chương trình, thì sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

Trên cơ sở trả lời của Bộ Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam thiết nghĩ thực tiễn số lượng biên chế của BDT tỉnh không quá 20 người, nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm quá ít, vì vậy không đảm bảo cho các hoạt động nêu trên, từ đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện chương trình.

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam kiến nghị: Trường hợp không được sử dụng nguồn kinh phí của trung ương tại Tiêu dự án 3 - Dự án 10 (Kiểm tra, giám sát đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình) để chi cho các hoạt động nêu trên; kính đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn và quy định kinh phí chi cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ chương trình do ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hằng năm cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

*\* Đối với Ủy Ban Dân tộc:*

- Về nội dung xin ý kiến chuyển nguồn vốn sự nghiệp trung ương tại Tiêu dự án 1- Dự án 3, sang thực hiện nội dung Tiêu dự án 2 – Dự án 3.

Ngày 07/02/2023 Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam có Công văn số 86 kính gửi Ủy Ban Dân tộc để xin ý kiến và đến ngày 10/3/2023 Ủy Ban Dân tộc có văn bản số 318 gửi Bộ Nông nghiệp & PTNT đề nghị hướng dẫn tỉnh Quảng Nam thực hiện; tuy nhiên đến nay hơn 02 tháng (kể từ ngày BDT tỉnh Quảng Nam phát hành Văn bản xin ý kiến) chưa có văn bản hướng dẫn. BDT tỉnh Quảng Nam kính đề nghị Ủy Ban Dân tộc quan tâm phối hợp với Bộ Nông nghiệp & PTNT sớm có Văn bản hướng dẫn để tỉnh Quảng Nam tổ chức thực hiện.

- Về tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, 4; theo quy định tại Mục 2 Điều 41, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 quy định: “*Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, cơ quan liên quan biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4*”. Tuy nhiên, đến nay địa phương chưa nhận được tài liệu bồi dưỡng hoặc các văn bản hướng dẫn việc sử dụng tài liệu. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc hoặc có văn bản giao cho địa phương chủ động biên soạn triển khai thực hiện.

- Về đối tượng bồi dưỡng kiến thức dân tộc: đối tượng cán bộ không chuyên trách ở xã; giáo viên giảng dạy ở trường phổ thông các cấp vùng đồng bào DTTS&MN và đại diện các tổ chức quần chúng (*Mặt trận thôn, Chi hội phụ nữ, Chi hội nông dân, Chi đoàn thanh niên...*) có thuộc nhóm đối tượng được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo nội dung Tiêu dự án 2, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia không? Trường hợp các đối tượng trên chưa được quy định tại Quyết định 1719 ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam đề xuất Ủy ban Dân tộc xem xét và sớm ban hành văn bản bổ sung các đối tượng nêu trên để địa phương có cơ sở thực hiện.

- Nội dung bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số được quy định tại Điều 45, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc. Trong đó, tại khoản 1 quy định “*Chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục & Đào tạo, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất biên soạn, thẩm định, phê*

*duyet và ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số*”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình phục vụ triển khai công tác bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số ở địa phương. Trong thời gian chưa có các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam kính đề nghị Ủy ban Dân tộc giao địa phương chủ động việc lựa chọn ngôn ngữ, xây dựng khung chương trình, biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu, bài giảng và triển khai thực hiện.

- Về đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo đại học được quy định tại khoản 2, Điều 47, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022, ngày 20/9/2022 của Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam có Công văn số 796/BDT-VP về việc xin ý kiến hướng dẫn thực hiện của Ủy ban Dân tộc. Kính đề nghị Ủy Ban Dân tộc cho ý kiến về trường hợp học sinh thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tự thi đậu hoặc được xét tuyển thẳng vào các trường đại học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông có thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo đại học của Chương trình không?

*\* Đối với Bộ Thông tin & Truyền thông.*

Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu dự án 2, Dự án 10 (Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

Trên đây là nội dung tham luận của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam về kinh nghiệm tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ vùng đồng bào DTTS-MN tỉnh và một số kiến nghị, đề xuất đối với các Bộ, ngành trung ương liên quan đến thực hiện Chương trình.

Kính chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe - chúc Hội thảo thành công.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Một số kinh nghiệm trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương trong thực hiện chính sách dân tộc và kinh nghiệm bước đầu trong tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3)**

*Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận*

Tỉnh Bình Thuận có 34 dân tộc thiểu số, với 104.066 người, chiếm gần 8,4% dân số của tỉnh<sup>(15)</sup>. Đồng bào dân tộc thiểu số cư trú rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh với hình thức cư trú phổ biến là sống xen kẽ. Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ toàn tỉnh có 31 xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (có 10 thôn đặc biệt khó khăn, 03 xã khu vực III, 03 xã khu vực II và 25 xã, thị trấn khu vực I); trong đó, các dân tộc Raglai, Cơ Ho, Chơ Ro sinh sống tập trung ở 11 xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao và 21 thôn xen ghép thuộc các xã miền núi, vùng cao trên địa bàn tỉnh. So với mặt bằng chung của tỉnh, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; kết quả giảm nghèo chưa bền vững; nguy cơ tái nghèo, phát sinh nghèo dễ xảy ra; thu nhập bình quân đầu người thấp và không đồng đều<sup>(16)</sup>.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương và sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt, kịp thời của Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp ủy, chính quyền các địa phương; đặc biệt, là việc ban hành và triển khai thực hiện 01 số chính sách đặc thù của tỉnh; nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã cải thiện rõ rệt. Thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; tỉnh Bình Thuận được nguồn Ngân sách trung ương hỗ trợ cả giai đoạn (2021-2025) là 567.186 triệu đồng, trong đó (vốn đầu tư: 269.646 triệu đồng và vốn sự nghiệp: 297.540 triệu đồng); các sở, ban, ngành và địa phương được phân công phụ trách các Dự án, tiểu dự án tích cực, khẩn trương triển khai các thủ tục để thực hiện giải ngân tối đa các nguồn vốn được phân bổ; kịp thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý.

Về xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương trong thực hiện chính sách dân tộc

---

<sup>(15)</sup> Dân tộc Chăm chiếm 40,7%; dân tộc Raglay chiếm 20,2%; dân tộc Cơ Ho chiếm 13,2%; dân tộc Hoa chiếm 11,5%; dân tộc Tày chiếm 5,7%; dân tộc Chơ Ro chiếm 4%; dân tộc Nùng chiếm 2,6%; còn lại là các dân tộc khác.

<sup>(16)</sup> Qua kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh chiếm 13% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số và chiếm 31,61% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, ngoài triển khai thực hiện các chính sách dân tộc theo quy định của Trung ương; trong các năm qua, Ban Dân tộc đã phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và thực hiện 09 chính sách đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó, có 03 chính sách đặc thù quan trọng đó là:

- Chương trình Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thông qua việc thực hiện các chính sách đặc thù của địa phương đã giúp các hộ đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện cho con em đến trường học tập, nâng cao trình độ dân trí; tạo việc làm; đủ vật tư, giống phục vụ sản xuất; từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng phục vụ sản xuất được sửa chữa, nâng cấp đáp ứng yêu cầu của địa phương.

Về chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Mục đích của chính sách: Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất, nhằm cung cấp kịp thời giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tạo điều kiện phát triển sản xuất cho vùng dân tộc thiểu số; hướng dẫn đồng bào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hiệu quả, phù hợp trên từng vùng. Thông qua tổ chức đầu tư ứng trước đã giúp cho đồng bào có đủ giống, vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng để sản xuất; đồng thời, thực hiện bao tiêu sản phẩm do đồng bào sản xuất ra với giá cả phù hợp, hạn chế tình trạng tư thương cho vay lãi nặng, ép cấp, ép giá; thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối tượng áp dụng: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống và có đất sản xuất nông nghiệp, có nhân khẩu trong độ tuổi lao động, có khó khăn về vốn, có nhu cầu đầu tư ứng trước tại 11 xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao và 21 thôn dân tộc thiểu số xen ghép thuộc các xã miền núi, vùng cao trên địa bàn tỉnh.

- Phương thức đầu tư: Hình thức đầu tư ứng trước thông qua hợp đồng đầu tư ứng trước và tiêu thụ nông sản hàng hóa giữa chủ hộ sản xuất với đơn vị được giao trực tiếp thực hiện chính sách, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ hộ sản xuất đang cư trú. Phương thức đầu tư ứng trước theo

tiến độ sản xuất từng vụ bằng hiện vật như: Giống cây trồng, phân bón các loại, thuốc bảo vệ thực vật; riêng chi phí làm đất tính theo giá thị trường. Phương thức thu hồi vốn đầu tư ứng trước được thực hiện thông qua việc thu mua sản phẩm nông sản hàng hóa của chủ hộ sản xuất ra theo hợp đồng đã ký với đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hoặc chủ hộ sản xuất thanh toán chi phí đầu tư ứng trước bằng nguồn thu nhập khác.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Dịch vụ miền núi Bình Thuận (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Dân tộc tỉnh. Trung tâm có nhiệm vụ tổ chức đầu tư ứng trước giống, vật tư thiết yếu đến hộ, hướng dẫn hộ sản xuất; tập huấn, hướng dẫn các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch nông sản, cây cao su cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số; kịp thời tổ chức thu mua, tiêu thụ nông sản hàng hóa, sản phẩm mủ cao su do hộ đồng bào sản xuất; Tổ chức các cửa hàng, đại lý trực thuộc Trung tâm thực hiện có hiệu quả các dịch vụ cung ứng, mua bán hàng hóa tại các thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao đời sống của đồng bào trong vùng dân tộc thiểu số. Trung tâm hoạt động theo cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ. Hàng năm, được Ủy ban nhân dân tỉnh giao là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên. Trong năm 2022, Trung tâm đã thực hiện đầu tư ứng trước cho 1.100/1.788 ha/14 tỷ đồng (trong đó: Bắp lai: 8.47 hộ/1.604 ha/12,5 tỷ đồng; lúa nước: 253 lượt hộ/184 ha/1,5 tỷ đồng). Tổ chức trên 13 lớp/1.000 lượt hộ đồng bào tham dự tập huấn kỹ thuật trồng, thâm canh cây bắp lai, lúa nước tại vùng có thực hiện đầu tư. Tổ chức thu mua sản phẩm: 900 tấn lúa thương phẩm, trị giá 4,5 tỷ đồng; 6.000 tấn bắp lai thương phẩm, trị giá 25 tỷ đồng; 40 tấn mủ cao su trị giá 400 triệu đồng. Doanh số năm 2022 của Trung tâm đạt 45 tỷ/39 tỷ kế hoạch (đạt 115%).

Về tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3)

Cũng như các địa phương khác, tỉnh Bình Thuận cũng gặp khó khăn trong triển khai thực hiện các Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 trong thực hiện Nội dung số 01 (Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 (Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị).

Bằng kinh nghiệm thực tiễn trong thực hiện chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Ban Dân tộc Bình Thuận đã đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chọn danh mục đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất mô hình liên kết chuỗi giá trị cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số là sản xuất, tiêu thụ bắp lai thương phẩm; giao cho Trung tâm Dịch vụ miền núi Bình Thuận (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Dân tộc tỉnh) trực

tiếp tổ chức thực hiện. Các nội dung hỗ trợ chính là: Hỗ trợ (giống, vật tư nông nghiệp...) cho các hộ đồng bào sản xuất theo chuỗi giá trị; Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ; Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng, bảo quản sản phẩm.

Việc triển khai nội dung này cũng đang gặp khó khăn là các Thông tư, hướng dẫn của Trung ương hiện có không quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ đồng bào. Để sớm triển khai đưa chính sách đến với đồng bào, bên cạnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Trung ương hướng dẫn, Ban Dân tộc đã căn cứ vào định mức quy định của ngành nông nghiệp và thực tế triển khai chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất để tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định tạm thời mức hỗ trợ cho các hộ dân tham gia chuỗi liên kết với định mức đầu tư cụ thể là: Diện tích: Tính theo diện tích gieo trồng thực tế của từng hộ và tối đa 03 ha/hộ/vụ. Nội dung đầu tư gồm: Chi phí giống bắp lai: 15 kg/ha; phân bón các loại: 550 kg/ha; thuốc bảo vệ thực vật: 08 kg (hoặc 08 lít)/ha...

Việc triển khai mô hình trên, dự kiến hàng năm sẽ giúp cho trên 1.500 hộ đồng bào triển khai sản xuất trên 2.000 ha bắp lai theo chuỗi giá trị; tạo ra lượng bắp lai hàng hóa khoảng 10.000 tấn với giá trị khoảng 60 tỷ đồng.

Một số kinh nghiệm bước đầu rút ra

- Việc cụ thể hóa, xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải xuất phát từ lợi ích của đồng bào, thực tiễn cơ sở; nội dung phải cụ thể, giải pháp đồng bộ, khả thi. Phải có định hướng đúng, tập trung nguồn lực đủ mạnh; có sự kết hợp giữa phát triển toàn diện dân sinh, kinh tế - xã hội với phát huy tiềm năng lợi thế của từng địa phương.

- Mục tiêu triển khai thực hiện các chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số là không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, phát triển dân trí, phát huy dân chủ, nâng cao ý thức tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên quan tâm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo cuộc sống bình yên cho đồng bào; không để các yếu tố tiêu cực tác động đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quá trình điều hành thực hiện phải sâu sát, cụ thể, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm; có sự phân công, xác định trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng cấp, từng ngành có liên quan; đề cao tính năng động, sáng tạo phát huy trách nhiệm cơ sở, khơi dậy ý thức vươn lên, đổi mới trong cách nghĩ, cách làm, không trông chờ, không ỷ lại cấp trên.

- Chú ý quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, vững về chuyên môn nghiệp vụ, thật sự năng động, dám nghĩ dám làm; gần gũi, gần bó, hết lòng, hết sức phục vụ đồng bào./.



**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Tại Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

*Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk*

*Kính thưa: .....*

*Kính thưa quý vị đại biểu!*

Lời đầu tiên, cho phép tôi được gửi đến đồng chí Hầu A Lênh, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ngãi và quý vị đại biểu lời chào trân trọng và lời chúc tốt đẹp nhất, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Được sự giới thiệu của đồng chí Chủ trì Hội thảo, sau đây, thay mặt Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk, tôi xin trình bày tham luận về “Những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”, cụ thể như sau:

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên hơn 13.125 km<sup>2</sup>, gồm 15 đơn vị hành chính là thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện; có 02 huyện nghèo và 04 xã biên giới; 184 xã, phường, thị trấn; 2.199 buôn, thôn, tổ dân phố; có 71 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, 49 xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi. Dân số hơn 1,869 triệu người, với 49 dân tộc anh em cùng sinh sống, DTTS chiếm 35,7% dân số của tỉnh, cư trú ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh; trong đó, đông nhất là dân tộc Êđê với hơn 350 ngàn người, dân tộc Nùng hơn 75 ngàn người, dân tộc Tày hơn 53 ngàn người, dân tộc Mnông hơn 48 ngàn người, dân tộc Mông hơn 39 ngàn người, dân tộc Gia Rai hơn 20 ngàn người... Dân tộc Êđê, dân tộc Mnông và dân tộc Gia Rai là những dân tộc sinh sống lâu đời nhất tại Đắk Lắk.

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh có 130 xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi, trong đó có 54 xã khu vực III, 5 xã khu vực II, 71 xã khu vực I; 519 thôn, buôn đặc biệt khó khăn; sau khi chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên thôn, buôn theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự kiến toàn tỉnh còn 472 thôn, buôn đặc biệt khó khăn. Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS của tỉnh là 23,08%, giảm 3,66% so với cuối năm 2021; số hộ nghèo DTTS là 35.982 hộ, giảm 5.533 hộ so với cuối năm 2021.

Trong thời gian qua, lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk luôn xác định vùng dân tộc thiểu số và miền núi có vị trí quan trọng, mang tầm chiến lược về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và bảo vệ môi trường sinh thái. Từ đó cho thấy, Chương trình 1719 có vai trò vô cùng quan trọng đối với

sự phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, địa phương quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao, chuẩn bị sẵn sàng để triển khai thực hiện Chương trình. Một số nhiệm vụ nổi bật đã hoàn thành như: Hoàn thiện các văn bản quy định cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình của tỉnh, đặc biệt là Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 25/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030; Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh về Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Đây là ba văn bản có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong tình hình mới. Ngoài ra, trong công tác xây dựng Kế hoạch và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm và hàng năm, tỉnh đặc biệt chú trọng nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, giải pháp để thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững, dân chủ, công khai, minh bạch, tập trung cho các xã, thôn uykhó khăn nhất và giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất cho các hộ nghèo, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; Bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách tỉnh cho Chương trình giai đoạn 2021-2025; Kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Thường xuyên tuyên truyền, truyền thông nhằm nâng cao ý thức tự lực, tự cường của người dân và vận động sự tham gia của cộng đồng để thực hiện Chương trình.

Giai đoạn 2021 - 2015, dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 1719 của tỉnh Đắk Lắk là 4.658.634 triệu đồng (trong đó: Ngân sách trung ương: 3.643.414 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 379.116 triệu đồng; vốn tín dụng chính sách: 636.104 triệu đồng), bao gồm: Vốn đầu tư phát triển: 2.272.252 triệu đồng (Ngân sách trung ương: 2.052.252 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 220.000 triệu đồng); Dự kiến kinh phí sự nghiệp là: 1.750.278 triệu đồng (Ngân sách trung ương: 1.591.162 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 159.116 triệu đồng); Dự kiến vốn vay tín dụng chính sách là: 636.104 triệu đồng.

Kính thưa toàn thể Hội thảo!

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, tỉnh Đắk Lắk gặp phải một số khó khăn, vướng mắc, rất cần ý kiến trả lời bằng văn bản của Ủy ban Dân tộc và Bộ, ngành TW. Tỉnh ủy đã ban hành Báo cáo số 298-BC/TU ngày 17/11/2022; UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 08/12/2022 và Công văn số 2201/UBND-

TH ngày 20/02/2023. Sau Hội nghị lần này, rất mong Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ, ngành TW có liên quan nghiên cứu, phúc đáp để tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện.

Ngoài ra, trong thời gian tới, để Chương trình 1719 triển khai thực hiện đảm bảo nguyên tắc “*đúng trách nhiệm của chính quyền địa phương ở các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình*” (khoản 2 Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), tôi xin tham luận thêm hai nội dung, mà hiện nay đang là bất cập lớn nhất trong triển khai thực hiện Chương trình 1719 của tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ Chương trình 1719 và cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG

Hiện nay, trong chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình 1719 của tỉnh Đắk Lắk còn có sự chùng chéo về nhiệm vụ của Ban Dân tộc (cơ quan chủ Chương trình 1719) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG) trong công tác chủ trì rà soát, lựa chọn, xác định danh mục đầu tư, tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển Chương trình. Cụ thể: Tại điểm 1 Mục V Kế hoạch Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về Kế hoạch thực hiện Chương trình 1719, UBND tỉnh giao Ban Dân tộc “... chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung/hoạt động đầu tư/hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các Sở, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình...”. Tuy nhiên tại Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình 1719, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư “... chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xác định danh mục đầu tư từ nguồn vốn đầu tư phát triển giao thực hiện Chương trình, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua, làm cơ sở giao chi tiết kế hoạch vốn hằng năm để triển khai thực hiện...”. Từ đó dẫn đến việc trên cùng một địa bàn đầu tư, cùng một nội dung kiểm tra dự án đầu tư về sự cần thiết đầu tư, sự phù hợp với mục tiêu, đối tượng, nội dung đầu tư của từng dự án, tiểu dự án thành phần, quy mô đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của từng nguồn... sẽ có 02 đoàn kiểm tra (01 đoàn do Ban Dân tộc chủ trì, 01 đoàn do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì) tiến hành kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, với lý do: Chính phủ quy định Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là “Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công” (khoản 1 Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) và việc giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công (điểm b khoản 5 Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG 1719, theo đó, UBND tỉnh giao “... *Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết phần vốn thông báo sau (464.241 triệu đồng) chậm nhất trong quý II/2023... Ban Dân tộc phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, các đơn vị, địa phương liên quan để xây dựng phương án phân bổ phần vốn thông báo sau cho các địa phương để thực hiện các mục tiêu của Chương trình...*”. Và trên thực tế tại thời điểm hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai rà soát các danh mục đầu tư năm 2023 để tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển. Như vậy có đúng với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG không? Chính sự chông chéo, bất cập trong quản lý, điều hành Chương trình của UBND tỉnh dẫn đến tình trạng chậm giao vốn đầu tư phát triển, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình.

Thứ hai, Về giao chủ đầu tư thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình theo Luật Ngân sách nhà nước hay Luật Đầu tư công?

Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn, tỉnh Đắk Lắk thực hiện phân bổ vốn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (*Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh*). Tình hình triển khai như sau:

Đối với kinh phí sự nghiệp: theo Luật Ngân sách nhà nước, trên cơ sở Nghị quyết phân bổ dự toán của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành quyết định giao dự toán cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, theo đó các địa phương được chủ động, linh hoạt quyết định giao chủ đầu tư, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Đối với vốn đầu tư phát triển: theo Luật Đầu tư công, trên cơ sở Nghị quyết giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành quyết định giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn cho các đơn vị, địa phương theo đúng tỷ lệ phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND. Tuy nhiên, tại Nghị quyết, Quyết định phân khai chi tiết kế hoạch vốn, tỉnh Đắk Lắk không thực hiện giao vốn theo đúng tỷ lệ phân bổ, vì quyết định giao chủ đầu tư (*Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 về ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*) không phù hợp với phần vốn được phân bổ. Cụ thể: theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND, phần vốn của một số dự án, tiểu dự án được phân bổ cho các địa phương nhưng UBND tỉnh giao chủ đầu tư cho các đơn vị cấp tỉnh thực hiện (*Tiểu dự án 1 Dự án 5 giao Sở Giáo dục và Đào tạo; Dự án 6 giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tiểu dự án 2 Dự án 10 giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh...*).

Như vậy việc giao chủ đầu tư theo Luật Đầu tư công có cần phải phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước không, có đúng quy định không. Bên cạnh đó, cùng một dự án thuộc Chương trình 1719, vốn đầu tư phát triển thì giao cho đơn vị cấp tỉnh thực hiện, kinh phí sự nghiệp thì giao cho đơn vị cấp huyện, cấp xã thực hiện. Như vậy có đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của dự án không.

Từ những bất cập như đã nêu ở trên, thiết nghĩ để Chương trình 1719 được triển khai thực hiện thuận lợi, hiệu quả thì phải nhanh chóng tháo gỡ, giải quyết những vướng mắc về cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành Chương trình, do đó Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk kiến nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Chính phủ sửa đổi một số nội dung của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP như sau:

(1) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ Chương trình 1719 và cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG tại địa phương. Nếu tình hình triển khai thực hiện Chương trình của đa số các tỉnh cũng như tỉnh Đắk Lắk thì không nhất thiết phải quy định riêng mà nên hợp nhất vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ Chương trình 1719 và cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG tại địa phương.

(2) Quy định cụ thể về *Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công; Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Chương II Luật Đầu tư công; Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm theo quy định của Luật Đầu tư công*, đây có phải là quy định để giao vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ Chương trình 1719 (Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc) cho cơ quan tổng hợp các Chương trình MTQG (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư).

(3) Quy định cụ thể về *Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở*. Khái niệm “địa phương” được quy định là cấp tỉnh hay cấp huyện, “cơ sở” được quy định là cấp huyện hay cấp xã.

(4) Quy định cụ thể về khái niệm “đầu tư dàn trải, manh mún”, có phải là gộp tất cả các danh mục đầu tư có cùng nội dung đầu tư (đường giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng...) trên địa bàn một xã, hay phải gộp trên địa bàn một huyện để đảm bảo tổng mức đầu tư của công trình không dàn trải, manh mún.

(5) Quy định cụ thể về việc lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và lập kế hoạch kinh phí sự nghiệp, trong đó: cần Quy định cụ thể về mối quan hệ giữa việc giao kế hoạch vốn và việc giao chủ đầu tư.

Trên đây là những chia sẻ của tỉnh Đắk Lắk về Chương trình 1719. Cuối cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu, quý vị khách quý sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kinh nghiệm trong thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

*Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo!

Kính thưa các đồng chí đại biểu!

Thưa toàn thể các đồng chí tham dự Hội thảo!

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng gửi đến các đồng chí lãnh đạo, các đồng chí đại biểu lời kính chúc mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thành công tốt đẹp. Sau đây, thay mặt Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên, tôi xin trình bày báo cáo tham luận về “Kinh nghiệm trong thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh”.

Kính thưa các đồng chí đại biểu!

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS&MN) của tỉnh Phú Yên có 23 xã, trong đó có 12 xã khu vực III, 01 xã khu vực II, 10 xã khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và 70 thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc). Đến nay, cộng đồng các dân tộc ở Phú Yên phát triển đa dạng và phong phú với 33 dân tộc anh em, trong đó có 32 dân tộc thiểu số (viết tắt là DTTS) với 60.128 người, chiếm 6,9% dân số toàn tỉnh (chủ yếu là dân tộc Ê Đê: 25.225 người, chiếm 41,95%; Chăm: 22.825 người, chiếm 37,96%; Ba Na: 4.680 người, chiếm 7,78%; Tày: 2.349 người, chiếm 3,9%; Nùng: 2.283 người, chiếm 3,79%; Dao: 1.031 người, chiếm 1,71% và các dân tộc khác 1.735 người chiếm 2,88%). Mỗi dân tộc có sắc thái văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hoá tỉnh nhà.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục có bước phát triển tích cực; văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy; hệ thống chính trị được củng cố và hoạt động ngày càng có hiệu quả; quốc phòng an ninh DTTS luôn đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, các xã vùng DTTS&MN vẫn còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (Tổng số hộ nghèo DTTS năm 2022 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 là 4.568 hộ, chiếm 42,37% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh và chiếm 28,57% so với hộ DTTS trên địa bàn).

Kính thưa các đồng chí đại biểu!

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Phú Yên đã có nhiều đổi mới. Các phương pháp, hình thức tuyên truyền, được Ban Dân tộc quan tâm, chú trọng phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các địa phương triển khai sinh động, đa dạng, sát với tình hình thực tế từng địa phương. Qua đó, đã góp phần nâng cao kiến thức, nhận thức pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN. Tôi xin nêu một số kinh nghiệm thực tiễn đã triển khai thực hiện hiệu quả trên địa bàn tỉnh Phú Yên, cụ thể như:

- Để xác định nội dung, hình thức tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào DTTS&MN, ngay từ đầu năm, Ban Dân tộc luôn chủ động tổ chức đợt khảo sát trực tiếp các xã, trường học vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh và xây dựng, ban hành sớm các kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với nhu cầu, đặc điểm, phong tục tập quán, văn hóa truyền thống của từng dân tộc, vùng miền và nguyện vọng của địa phương, cán bộ cơ sở; đồng thời phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức các hoạt động tập trung hướng về cơ sở, tuyên truyền trực tiếp đến từng đối tượng người dân; chú trọng nâng cao năng lực, trang bị kỹ năng, kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ cơ sở, người có uy tín.

- Tăng cường tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ cơ sở: Hằng năm, Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu đề nghị trang bị kỹ năng, kiến thức về pháp luật của địa phương, cán bộ cơ sở, Ban Dân tộc đã lựa chọn các chuyên đề phù hợp để mời báo cáo viên có kinh nghiệm của Ủy Ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy, Công an tỉnh, các Sở, ngành có liên quan tham gia truyền đạt tại các Hội nghị tập huấn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS&MN cho cán bộ cơ sở đại diện cấp ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, người có uy tín, các hội đoàn thể và một số hộ dân ở tất cả các thôn, buôn trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, nội dung tập trung vào các kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở; cách thức giải quyết các tình huống tranh chấp xảy ra trên địa bàn đồng bào vùng DTTS&MN; tuyên truyền, phổ biến các văn bản của pháp luật liên quan đến lĩnh vực dân tộc, nhất là CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; các quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến cuộc sống của đồng bào DTTS; tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông; pháp luật về phòng, chống ma túy; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên vùng đồng bào DTTS&MN; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương.

- Phối hợp Tỉnh Đoàn tổ chức đa dạng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho thanh niên DTTS: Ban Dân tộc xác định công tác tập hợp thanh niên và phổ biến giáo dục thanh niên dân tộc thiểu số là một trong những

nhệm vụ quan trọng. Do vậy, hằng năm Ban Dân tộc đã chủ động phối hợp với Tỉnh Đoàn tổ chức sôi nổi các hoạt động cấp tỉnh ý nghĩa, thiết thực, thu hút đông đảo thanh niên DTTS tham gia như: Ngày hội Thanh niên DTTS cấp tỉnh; Hội thao Thanh niên các DTTS; Liên hoan các Đội tuyên truyền pháp luật; Thi các Đội công chiêng; Chiếu phim tuyên truyền pháp luật; Giao lưu văn hóa, đốt lửa trại, hát múa công chiêng..., qua đó đã thu hút đông đảo thanh thiếu niên và bà con nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN đến xem, cổ vũ chương trình.

- Tăng cường phối hợp UBND các xã, Trường Trung cấp nghề Thanh niên DTTS tỉnh, các Trường Phổ thông DTNT huyện, Phổ thông DT bán trú xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức các Hội thi, chương trình giao lưu văn hoá gắn với tuyên truyền pháp luật: Với mong muốn đưa công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến sâu rộng trong đồng bào DTTS&MN, học sinh DTTS bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn, hằng năm Ban Dân tộc đã chủ động phối hợp với UBND các xã, BGH các Trường thuộc vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức các Hội thi tuyên truyền pháp luật với hình thức sân khấu hóa. Theo đó, mỗi đội xây dựng một tiểu phẩm tuyên truyền pháp luật dự thi, Thời gian biểu diễn mỗi tiểu phẩm trên sân khấu: từ 10 phút đến 15 phút. Nội dung tiểu phẩm tập trung tuyên truyền cho bà con vùng DTTS&MN, học sinh DTTS về các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về: quốc phòng an ninh, ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; phòng, chống mua bán người, bạo lực gia đình; bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; an toàn thực phẩm; an toàn giao thông, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật; tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ...

Ban Dân tộc cũng đã phối hợp với UBND các xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức các Chương trình giao lưu văn hóa, hoạt động văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào các DTTS gắn với tuyên truyền pháp luật, tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết. Khi đến với chương trình giao lưu, bà con nhân dân không chỉ được xem các tiết mục văn nghệ, được tham gia đốt lửa trại, giao lưu công chiêng, nhảy A-rap, uống rượu cần... mà bà con còn được xem các thước phim tuyên truyền pháp luật. Về thời gian diễn ra hội thi hoặc chương trình giao lưu văn hoá được chọn tổ chức vào buổi tối, thường vào những đêm trăng sáng; địa điểm tổ chức hoạt động được chọn tại trung tâm xã, thuận lợi cho toàn thể bà con nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN tham dự và cổ vũ chương trình.

- Phối hợp với Tòa soạn Báo Phú Yên xây dựng chuyên mục “Dân tộc - Miền núi” bao gồm: tin, bài, phóng sự đăng trên báo giấy và Phú Yên Online Báo Phú Yên, phát hành mỗi tháng 2 số. Qua đó kịp thời thông tin, tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội



vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tuyên truyền việc bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của các dân tộc thiểu số; các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, kịp thời thông tin tuyên truyền, PBGDPL về lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên Báo Phú Yên.

- Phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình tỉnh: xây dựng 01 phóng sự và video tuyên truyền về thực trạng, hệ lụy của việc tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số của tỉnh và được trình chiếu tại các Hội thi, các Chương trình giao lưu văn hoá do Ban Dân tộc phối hợp các xã, trường học tổ chức. Phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình, Phòng Dân tộc 3 huyện miền núi thực hiện “Chương trình truyền hình tiếng Ê đê và truyền hình tiếng Chăm” phát trên sóng truyền hình PTP, trên Trang thông tin điện tử của Đài và trên các nền tảng số, sẽ bắt đầu phát sóng từ tháng 5/2023, thực hiện mỗi tháng 2 số. Nội dung tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tuyên truyền việc bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của các dân tộc thiểu số; các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ngoài ra, Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên cũng đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp tuyên truyền như: xây dựng các pa-nô tuyên truyền tại trung tâm các xã vùng đồng bào DTTS&MN; biên soạn cấp phát sổ tay tuyên truyền cho cán bộ cơ sở; cấp phát tờ rơi, tờ áp phích tuyên truyền cho cán bộ và người dân các xã, thôn, buôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, học sinh DTTS. Chú trọng nâng cao chất lượng tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử Ban Dân tộc thường xuyên, kịp thời đăng tải các tin, bài nổi bật, các tin tức sự kiện quan trọng, các văn bản pháp luật của Trung ương, UBND tỉnh và của Ban Dân tộc.

Kính thưa các đồng chí!

Hiện nay, nhìn chung đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh Phú Yên đã được tiếp cận với pháp luật, có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và có ý thức tôn trọng, tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được tuyên truyền, phổ biến đến đồng bào DTTS với nội dung và hình thức phù hợp, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, các chính sách được triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao; đồng bào DTTS đã chủ động nắm bắt, sàng lọc thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, cảnh giác với các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng đồng bào DTTS&MN.

Tuy nhiên, hiện nay tình trạng vi phạm pháp luật trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN vẫn còn xảy ra do bản thân người dân còn hạn chế về

hiểu biết pháp luật; tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn còn diễn ra ở một số địa phương; đội ngũ báo cáo viên pháp luật, cán bộ, công chức làm công tác tuyên truyền PBGDPL cơ sở đa số làm kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều nên chưa dành nhiều thời gian cho đầu tư chuyên sâu công tác tuyên truyền PBGDPL.

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian tới, chúng ta cần phải thực hiện hiệu quả các giải pháp:

Thứ nhất, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL phù hợp với từng thời gian, đối tượng và địa bàn, tập trung vào một số lĩnh vực pháp luật quan trọng như an toàn giao thông, đất đai, khiếu nại, tố cáo, tài nguyên môi trường, bình đẳng giới, an toàn thực phẩm, phòng chống tệ nạn xã hội...; chú trọng nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình điểm trên thực tế; chủ động sáng tạo linh hoạt, áp dụng các mô hình, biện pháp PBGDPL mới, phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL. Lựa chọn các hình thức tuyên truyền đơn giản, dễ hiểu, gắn với những tình huống phát sinh trong cuộc sống, phù hợp với tập quán văn hóa của từng địa phương; sử dụng hình thức phù hợp với trình độ, nhận thức của đối tượng đặc thù, trong đó chú trọng hình thức tuyên truyền miệng, hình thức sân khấu hóa; tăng cường các hội nghị tập huấn, PBGDPL tại các xã để thu hút đông đảo người dân tham gia.

Thứ hai, biên soạn nội dung, tài liệu tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho đồng bào DTTS phải ngắn gọn, dễ hiểu, gắn với thực tiễn đời sống địa phương, đồng thời phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào DTTS.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp thực hiện PBGDPL, tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao vai trò trách nhiệm của Hội đồng phối hợp PBGDPL; phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đang có và đặc biệt là phát huy vai trò tuyên truyền của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS. Cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, giúp lực lượng tuyên truyền nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền cho người DTTS.

Thứ tư, tổ chức biểu dương, khen thưởng kịp thời để động viên, khích lệ và nhân rộng gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến; các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có nội dung về thực hiện công tác tuyên truyền, PBGDPL.

Kính thưa các đồng chí!

Trên đây là báo cáo tham luận của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên “Kinh nghiệm trong thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh”. Xin chân thành cảm ơn các đồng chí đại biểu đã lắng nghe. Một lần nữa xin kính chúc các đồng chí và gia đình sức khỏe, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp./.